

Tân Ước Lược Khảo










« Hãy chuyên tâm cho được đẹp lòng Đức Chúa Trời như người làm công không chỗ trách được, lấy lòng ngay thẳng giảng dạy lời của lẽ thật. »

II Tim. 2 : 15

Tân Ước Lược Khảo

- **Phần 1 : Phần Giới thiệu**
 - ✓ đầu của Tân Ước
- **Phần 2 : 4 Quyển Phúc Âm**
 - ✓ Phúc Âm Ma-thi-ơ
 - ✓ Phúc Âm Mác
 - ✓ Phúc Âm Lu-ca
 - ✓ Phúc Âm Giăng
- **Phần 3 : Lịch Sử của Hội Thánh Khởi Nguyên : Công vụ các Su đồ**
- **Phần 4 : 13 tín thư của Phao-lô**
 - ✓ Rô-ma
 - ✓ I & II Cô-rinh-tô
 - ✓ Ga-la-ti và Ê-phê-sô
 - ✓ Phi-líp và Cô-lô-se
 - ✓ I & II Tê-sa-lô-ni-ca
 - ✓ I & II Ti-mô-thê
 - ✓ Tít và Phi-lê-môn
- **Phần 5 : Các Thơ Tín chung : gồm có tám thư tín của những tác giả khác nhau (8)**
 - ✓ Hê-bơ-rơ
 - ✓ Gia-cơ
 - ✓ I & II Phi-e-rơ
 - ✓ I, II & III Giăng và Giu-đe
- **Phần 6 : 1 Quyển Sách Tiên Tri : Khải huyền**
- **kết luận**

Đọc Sách :

-  Thánh Kinh đại cương The New Bible Handbook của G.T. Manley : tr. 296-497
-  Tân Ước Lược Khảo (New Testament Survey) của Merrill C. Tenney và Walter M. Dunnnett
-  Thánh Kinh Lược khảo¹ (Halley`s Bible Handbook) của Henry H. Halley, nhà in Tin Lành Saigon, 1960
-  Tân Ước Lược Khảo của Dr. John Amstutz - Chương trình Isom (A3)
-  Tân Ước Lược Khảo của Viện Thần Học Việt Nam
-  Tân Ước Giản Lược của Huang Sabin
-  Thánh Kinh Nhập Môn của Tiên sĩ Robert Laird Harris, Evangelical Teacher Training Association

Xem :

-  VietBible 3.0

¹ <http://www.vietchristian.com/kinhthanh/reader.asp?pid=,src=/kinhthanh/tklk/tklk.xml,name=Chuong,enc=2,nl=0,id=0>

Bài tập riêng

Độc Sách “Tân Ước Lược Khảo” (New Testament Survey) của Merrill C. Tenney và Walter M. Dunnnett

Phần 1 : Phần Giới thiệu	Độc tr. 1- 195
Phần 2 : 4 Quyển Phúc Âm	Độc tr. 196-302
Phần 3 : Lịch Sử của Hội Thánh Khởi Nguyên Công vụ các Sư đồ	Độc tr. 303-457
Phần 4 : 13 tín thư của Phao-lô	
Phần 5 : Các Thơ Tín chung : gồm có tám thư tín của những tác giả khác nhau (8)	Độc tr. 458-508
Phần 6 : 1 Quyển Sách Tiên Tri : Khải huyền	Độc tr. 509-531
kết luận	Độc tr. 532-573

Phần 1 : Phần Giới thiệu

Tại sao học (nghiên cứu) Tân Ước ?

- Tân Ước tiết lộ Đấng Mê-si.
- cuộc đời Chúa Giê-xu.
- lời tiên tri
 - *Mi-chê 5:2 và Lu-ca 2:4-7*
 - *Xa-cha-ri 11:13 và Mác 14:10-11*
 - *Thi 22:1,16-18 và Ma-thi-ơ 27:35,46*
- *Rô-ma 10: 17*
- *Giăng 20 :30-31*

« *Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình* » (II Tim 3:16).

Tân Ước là gì ?

Tân Ước = New Testament

Từ « Testament » có nghĩa là giao ước, hoặc lập ước giữa Đức Chúa Trời và con người. Có giao ước cũ và giao ước mới. Giao ước mới dựa trên giao ước cũ.

Giao ước đời đời của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời phán hứa 3 điều:

- Ta sẽ là Đức Chúa Trời, là Đấng dẫn dắt ngươi (*Sa 17:7; 26:24, 28:13, 14*).
- Các ngươi là dân ta, mối quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời (*Dan 29:12, 13*).
- Ta sẽ ở cùng ngươi, mối thông công với Đức Chúa Trời (*Xu 29:45-46*).

// *Da 9:4-6 ; Gie 31:31-32 ; Am 8:11-12 ; Os 3:4, 5*

Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời sinh ra « *Khi kỳ hẹn đã được trọn* » (*Ga 4:4 ; Mat 1:23*).

« *...gần Đức Chúa Jê-sus, là Đấng trung bảo của giao ước mới, và gần huyết rưới ra, huyết đó nói tốt hơn huyết của A-bên vậy.* » *Hê-bơ-rơ 12:24*.

Giao ước mới = *Lu-ca 22:20 ; Rô-ma 11:27 ; 1 Cô-rinh-tô 11:27 ; 2 Cô-rinh-tô 3:6 ; Hê-bơ-rơ 7:22 ; 8:7-8 ; 9:15 ; 12:24....*

Tân Ước có 27 quyển, ghi lại sự giáng sinh, lời giảng dạy, các phép lạ, sự chết, sự sống lại, sự về trời của Chúa Jê-sus và về lịch sử Hội thánh đầu tiên, công cuộc truyền giảng Tin Lành của Hội thánh ấy cùng các giáo lý căn bản.

Tân Ước gồm có 27 quyển sách.

Tân Ước	Tác giả	sớm nhất	chậm nhất	Rất có thể
Ga-la-ti	Sứ đồ Phao-lô	S.C 48	S.C 50	S.C 48
1 Tê-sa-lô-ni-ca	Sứ đồ Phao-lô	S.C 50	S.C 52	S.C 51
2 Tê-sa-lô-ni-ca	Sứ đồ Phao-lô	S.C 50	S.C 52	S.C 51
Mác	Mác	S.C 45 John Wenham / John A. T. Robinson	S.C 60 A. Harnack	S.C 48-55
1 Cô-rinh-tô	Sứ đồ Phao-lô	S.C 55	S.C 55	S.C. 55
2 Cô-rinh-tô	Sứ đồ Phao-lô	S.C 56	S.C 56	S.C 56
Rô-ma	Sứ đồ Phao-lô	S.C 57	S.C 57	S.C 57
Gia-cơ	Gia-cơ em của Chúa Giê- su	S.C 38	S.C 62	S.C 50-60
Lu-ca	Lu-ca	S.C 57-62	S.C 57-62	S.C 57-62
Ê-phê-sô	Sứ đồ Phao-lô	S.C 60-62	S.C 60-62	S.C 60-62
Phi-líp	Sứ đồ Phao-lô	S.C 60-62	S.C 60-62	S.C 60-62
Cô-lô-se	Sứ đồ Phao-lô	S.C 60-62	S.C 60-62	S.C 60-62
Phi-lê-môn	Sứ đồ Phao-lô	S.C 60-62	S.C 60-62	S.C 60-62
Công-vụ các Sứ-đồ	Lu-ca	S.C 62-63	S.C 62-63	S.C 62-63
Tít	Sứ đồ Phao-lô	S.C 62	S.C 63	S.C 63
1 Ti-mô-thê	Sứ đồ Phao-lô	S.C 62	S.C 64	S.C 63
2 Ti-mô-thê	Sứ đồ Phao-lô	S.C 64	S.C 64	S.C 64
1 Phi-e-rơ	Sứ đồ Phi-e-rơ	S.C. 63	S.C 68	S.C 64-67
2 Phi-e-rơ	Sứ đồ Phi-e-rơ	S.C 64	S.C 68	S.C. 65-68

Hê-bơ-rơ	?	S.C 40	S.C 69	S.C 50-68
Ma-thi-ơ	Sứ đồ Ma-thi-ơ	S.C 40 John Wenham / John A. T. Robinson	S.C 110 Paul Minear	S.C 65-70
Giu-đe	Giu-đe em của Chúa Giê- su	S.C. 60	S.C 85	S.C 65-80
Giăng	Sứ đồ Giăng	S.C. 60's F. Lamar Cribbs	S.C 90's	S.C 90's
1 Giăng	Sứ đồ Giăng	?	S.C 98	S.C 90's
2 Giăng	Sứ đồ Giăng	?	S.C 98	S.C 90's
3 Giăng	Sứ đồ Giăng	?	S.C 98	S.C 90's
Khải-huyền	Sứ đồ Giăng	S.C. 68	S.C. 97	S.C 95-97

Các tác giả

- dân chài lưới (*Phi-e-rơ, Giăng...*),
- cán bộ/công nhân viên nhà nước (*Ma-thi-ơ*),
- lương y, bác sĩ (*Lu-ca*),
- nhà hiền triết/ nhà thần học (*Phao-lô*).

9 tác giả

Ngôn Ngữ

Ngôn ngữ đàm thoại phổ thông trong thời Chúa Giê-su là tiếng Aram.

Tiếng Araméen

Đây là tiếng thông dụng tại xứ Pa-lét-tin đương thời Đức Chúa Jê-sus. Đó là tiếng Sy -ri đời cổ, rất giống tiếng Hê-bơ-rơ. Sau khi dân Y-sơ-ra-ên từ cảnh lưu đày ở Ba-by-lôn trở về, tiếng này đã lần lần thay thế tiếng Hê-bơ-rơ, và dùng làm ngôn ngữ thông dụng của dân chúng

Tiếng Hi Lạp.

Đây là một thứ ngôn ngữ Hi Lạp không nặng màu sắc văn chương, văn học, mà chỉ mang tính “KOINE”, tức là một thứ tiếng Hi Lạp tuy kém phần tinh lọc nhưng lại tỏ ra bình dị và đơn giản hơn so với ngôn ngữ cổ điển. Có thể nói đây là một ngôn ngữ Hi Lạp bình dân, thâm nhập khá sâu vào tinh thần người Do Thái. Và toàn bộ kinh Tân Ước đã được viết bằng ngôn ngữ này.

Tân Ước được viết bằng tiếng Hi Lạp, gọi là koine, đây là ngôn ngữ thông dụng của thời đại bấy giờ (A-lich-son đại đế hay A-lich-son III là vua Hi Lạp, lên ngôi lúc 20 tuổi, là môn đệ của nhà hiền triết Aristote. Từ năm 334, khi ông 22 tuổi, đến khi ông qua đời năm 323 T. C., ông đã chinh phục tất cả các xứ trong vùng, và mang văn hóa Hi Lạp đến các nơi này. Ảnh hưởng văn hoá này tồn tại qua nhiều thế kỷ sau Chúa). Ngôn ngữ koine có hai loại : Văn chương và phổ thông. Bốn quyển sách phúc âm được viết bằng tiếng koine phổ thông đặc biệt với ảnh hưởng của ngôn ngữ địa phương. Sau đó, các Giáo phụ chuyển sang dùng tiếng koine văn chương. Mặc dù được viết bằng tiếng phổ thông, các sách Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, II Phi-e-rơ đã đạt đến trình độ văn học rất cao.

Sự Hình thành của bộ Kinh điển

Thánh thư Tân Ước (Canon of the New Testament)

Về Tân Ước :

Dần dần, 27 cuốn sách của Tân Ước đã được bổ sung vào Cựu Ước để trở thành bộ “Thánh Thư” tức Kinh Thánh vậy.

Thông điệp truyền khẩu buổi ban đầu dần hồi đã trở thành sứ điệp dưới hình thức bản viết hay văn kiện.

Hai mươi bảy cuốn sách hiện thời của Tân Ước đã được công nhận là có sự hà hơi thiên thượng và đã được bổ sung vào phần Cựu Ước hồi 397 SC, kể từ Giáo nghị hội Carthage.

Hãy nhìn sâu hơn vào các vấn đề : Vào khoảng giữa thế kỷ 2, một tác giả Cơ-đốc có tên Justin Martyr đã viết rằng trong các buổi lễ Cơ-đốc ngày Chủ nhật, người ta đã đọc « những nhật ký của các sứ đồ » và « những bản viết của các tiên tri » (Justin Martyr, Văn kiện Minh oan Thứ nhất, chương 67) Như vậy, rõ ràng là chỉ một thời gian ngắn sau khi thời đại sứ đồ kết thúc, những trước tác của các tác giả Tân Ước đã được mang ra đọc khắp nơi trong những hội chúng địa phương. Làm sao đi đâu đó có thể xảy ra ? Làm thế nào mà chỉ trong một thời gian ngắn, các Cơ-đốc nhân đã có thể tuyên đọc công khai những bản viết của các sứ đồ cũng như những trước tác của các tiên tri thời Cựu Ước ? Khi Hội Thánh của Đấng Christ được thiết lập, không có ai đã nghĩ tới một quyển kinh Tân Ước. Quyển Kinh Thánh mà Hội Thánh ban đầu sử dụng là quyển kinh Cựu Ước, và những điều giáo huấn mới, ra đời trên cơ sở thẩm quyền của Đấng Christ, đã được truyền đạt bởi chính bản thân các sứ đồ. Và sau đó không lâu, các nhân vật được sự hà hơi của ĐCT đã bắt đầu viết thành văn bản những qui luật thiêng liêng dành cho các hội chúng cũng như cho mọi người. Tất nhiên, điều không thể tránh là những qui luật này đã trở thành tiêu chuẩn, mẫu mực, vì các Cơ-đốc nhân xem chúng cũng quan trọng như Đấng Christ – cái nguồn của những qui luật thiên thượng. Đồng thời, người ta cũng cần thận sưu tập thành một bộ các thư tín của Phao-lô ; kế đó, tập hợp lại bốn sách Tin Lành (Phúc Âm), và tất cả những cuốn sách khác. Và bởi lẽ những công trình sưu tập này được thực hiện không ở cùng những địa điểm và thời điểm như nhau, do đó, không phải bao giờ chúng cũng chứa đựng một nội dung giống nhau. Điều này phần nào giải thích được lý do tại sao không phải hết thảy các sách Tân Ước đã được đón nhận ngay buổi đầu mà không có chút e dè, ngần ngại. Trong vài trường hợp, như trường hợp sách Hê-bơ-rơ, sự không biết chắc về tác giả đã gây ra một chút trở ngại tạm thời cho Hội Thánh đối với việc đón nhận cuốn sách này. Tuy nhiên, đây là trường hợp ngoại lệ hơn là qui luật ; bởi vì, dần dần, nhờ ở lời chứng trung thực của nó (và, theo sự suy nghĩ của giới Cơ-đốc, ấy là nhờ ở sự sắp xếp an bài của Đức Chúa Trời), mỗi cuốn sách đều có được chỗ đứng đích thực của mình trong bộ kinh điển được biết

tới như là Thánh Ngôn Tân Ước. Vào giữa thế kỷ 2, những thư tín của các sứ đồ đã được mang đọc đều khắp trong các buổi nhóm họp công cộng. Vào cuối thế kỷ này (thế kỷ 2), người ta thấy bắt đầu xuất hiện những bảng danh mục được sắp xếp thật tốt về các sách của Tân Ước. Một trong những danh mục đó có tên gọi là bộ Kinh điển Muratori, vì chính L. A. Muratori là người đã khám phá ra và cho phổ biến bảng danh mục này hồi thế kỷ 18. Rất tiếc là có một phần của bảng danh mục ban sơ này đã bị thất lạc. Sách Phúc Âm Lu-ca được nhắc đến trước tiên, nhưng lại được gọi là ‘Phúc Âm thứ ba’, điều ấy hàm ý rằng các sách Phúc Âm Ma-thi-ơ và Mác đã được coi là đứng hàng đầu bảng danh mục; tiếp theo là sách Phúc Âm Giăng, sách Công vụ các Sứ đồ, mười ba thư tín của Phao-lô, và những sách khác. Các sách duy nhất không tìm thấy ở danh mục này, gồm có các sách Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, I & II Phi-e-rơ và I Giăng. Nếu không bị rút ra từ một bản sao chép quá cũ kỹ, hỏng nát, chắc hẳn chúng ta đã có được một bảng danh mục đầy đủ về các sách của Tân Ước. Đó là lỗi giải thích duy nhất khả dĩ biện minh cho sự thiếu vắng một số sách, đặc biệt là các sách I Phi-e-rơ và I Giăng. Mặc dầu có thiếu sót như vậy, song, nhìn chung, bảng danh mục ban sơ này đã giúp thiết kế cho sơ đồ hay hình thái của quyển kinh Tân Ước mà chúng ta hiện có. Vào thế kỷ 3, Origène đưa ra một bảng danh mục về tất cả các sách của Tân Ước; tuy nhiên, ông có báo động là có vài sách (như Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, II & III Giăng, và Giu-đe) đã bị một số người từ chối (Eusèbe, *Lịch sử Giáo hội*, VI. 25.). Qua thế kỷ 4, Eusebe cũng đưa ra một bảng danh mục các sách Tân Ước (Eusebe, *Lịch sử Giáo hội*, III. 25.) và nói rằng có vài sách (như Gia-cơ, II Phi-e-rơ, II & III Giăng và Giu-đe), mặc dầu được đa số chấp nhận, song vẫn bị một số người nghi ngờ, ngần ngại. Đến năm 367 SC, *Athanase d’Alexandrie*² công bố tên của hai mươi bảy sách được nhìn nhận vào thời đó; đây cũng chính là những sách được công nhận là Kinh Tân Ước trong thời đại chúng ta hôm nay. Đồng thời, bảng danh mục các sách Thánh kinh mỗi lúc một phát triển nhờ sự nhận biết từ từ về sự mặc khải thiên thượng; do đó, các sách Thánh kinh dần hồi đã chiếm được vị trí thẩm quyền vốn có của mình.

Các nhận xét khác nhau

Đôi khi người ta nói rằng không phải lúc nào cũng thấy rõ được ranh giới giữa những sách Tân Ước và các sách Cơ-đốc khác, và rằng Hội Thánh đầu tiên đã chẳng làm gì để phân biệt hai loại sách này. Nhưng nhận định này không có chút cơ sở chứng cứ vững chắc nào. Quả thực, có một số sách đã được duyệt xét kỹ lưỡng trước khi thu nạp hoặc loại trừ, và quá trình này cũng chỉ đưa người ta đến chỗ cải tiến càng hơn bộ kinh điển Tân Ước. Có khá nhiều những bản trước tác thượng thặng (của các tác giả không nhận được thần cảm hay sự hà hơi từ ĐCT) được lưu hành giữa vòng Cơ-đốc nhân thời ấy. *Thư tín của Ba-na-ba* và *Mục sư Hết-ma* là hai tác phẩm khá điển hình của dạng trước tác này. Tác phẩm đầu được viết vào cuối thời kỳ sứ đồ, do một người có tên là Ba-na-ba, song đây không phải là nhân vật Ba-na-ba của Tân Ước; còn tác phẩm sau là thuộc loại hình ngụ ngôn, được viết bởi một người có tên là Hết-ma của Hội Thánh La-mã, vào hồi đầu bán thế kỷ 2. Tuy nhiên, những cuốn sách này không bao giờ thoát ra khỏi sự ngờ vực, và do đó chẳng bao giờ được công nhận là có đồng cấp độ thẩm quyền với những bản trước tác chính thức của các sứ đồ. Về trường hợp của bản trước tác ‘*Mục sư Hết-ma*’, thì bộ Kinh điển Muratori, như có nói đến ở trên, có nhấn mạnh rằng người ta có thể đọc bản viết này trong các buổi lễ thờ phượng công cộng, nhưng không nên xem nó như một trong những bản trước tác của các tiên tri hoặc sứ đồ. Sự hạn chế này nói lên cái nguyên tắc - khá có ý nghĩa -, theo đó, có một số sách, chẳng hạn như ‘*Mục sư Hết-ma*’ và ‘*Thư tín của Ba-na-ba*’, mặc dầu không được ấn chứng bởi thẩm quyền thiên thượng, song vẫn có thể được mang ra đọc trong những buổi nhóm họp công cộng. Những bản trước tác ấy, cùng với một số bản viết khác nữa, đã được bổ sung cho những bản trước tác đầu tiên, tuy vậy, theo bộ Kinh điển Muratori, thì người ta không được phép nghĩ rằng mỗi cuốn sách được mang ra đọc trong các Hội Thánh thì đều có thể được mạnh dạn coi như đồng đẳng cấp với sách của các sứ đồ. Ở

² http://en.wikipedia.org/wiki/Athanasius_of_Alexandria

thời đại chúng ta hôm nay cũng vậy, do nhu cầu giáo dục và đào tạo, trong các buổi nhóm họp công cộng, người ta có thể mang ra đọc những bản viết của các tác giả Cơ-đốc nổi tiếng khác. Đây là điều họ đã làm trong những ngày đầu tiên của Hội Thánh, và chúng ta không nên nghĩ rằng những Cơ-đốc nhân thời đó là kém hơn chúng ta trong năng lực phân định sự khác biệt giữa những gì được sự hà hơi và những gì không được sự hà hơi từ trên cao.

Henry C. Thiessen, trong tác phẩm « Khóa Thần học Hệ thống » (trg. 103-104), có nêu lên bốn nguyên tắc nhằm giúp kiểm tra (thẩm định) những cuốn sách của Tân Ước.

a. Nguyên tắc liên hệ tới các sứ đồ - Sách này có phải đã do một sứ đồ viết ra không ? Nếu là không, thì phải chăng sách này đã được viết bởi một tác giả sống khá cận kề với một sứ đồ, để nhờ đó cuốn sách có thể được nâng lên hàng đẳng cấp sứ đồ ?

b. Nguyên tắc về nội dung - Phải chăng phần nội dung mang đầy đủ tính chất thuộc linh để cuốn sách có thể được đưa vào bộ kinh điển ? Tiêu chuẩn này giúp loại bỏ được các cuốn nguy thư.

c. Nguyên tắc về khả năng được phổ cập sâu rộng - Phải chăng cuốn sách đã được chấp nhận rộng rãi và đều khắp trong Hội Thánh thời đó ? Nguyên tắc này cũng giúp loại bỏ các sách phúc âm hoặc các bản viết khác còn trong vòng tranh cãi và không tin tưởng, ví dụ như trường hợp của '*Phúc âm theo thánh Thô-ma*'...

d. Nguyên tắc về sự hà hơi (thần cảm) - Sách có được sự hà hơi từ trên không ? Nội dung sách có được gắn bó liên lạc và nhất quán không ? Tiêu chuẩn này đã trở thành nguyên tắc kiểm tra hay thẩm định mang tính quyết định đối với tất cả những cuốn sách của Tân Ước.



Louis-Antoine Muratori



**Ô-dep-bơ Đơ Xê-da-rê
Eusèbe de Césarée (270–338)**

Thánh thư Tân Ước (Canon of the New Testament)

New Testament Books Treated as Traditional Scripture by Early Writers

Athanasius (b. 296)	Origen (b. 185)	Irenaeus (b. 130)	Marcion xứ Sinope (b. 85)
Ma-thi-ơ	Ma-thi-ơ	Ma-thi-ơ	
Mác	Mác	Mác	
Lu-ca	Lu-ca	Lu-ca	Lu-ca
Giăng	Giăng	Giăng	
Công Vụ	Công Vụ	Công Vụ	
Rô ma	Rô ma	Rô ma	Rô ma
1 Cô-rinh-tô	1 Cô-rinh-tô	1 Cô-rinh-tô	1 Cô-rinh-tô
2 Cô-rinh-tô	2 Cô-rinh-tô	2 Cô-rinh-tô	2 Cô-rinh-tô
Ga-la-ti	Ga-la-ti	Ga-la-ti	Ga-la-ti
Ê-phê-sô	Ê-phê-sô	Ê-phê-sô	Ê-phê-sô
Phi-líp	Phi-líp	Phi-líp	Phi-líp
Cô-lô-se	Cô-lô-se	Cô-lô-se	Cô-lô-se
1 Tê-sa-lô-ni-ca	1 Tê-sa-lô-ni-ca	1 Tê-sa-lô-ni-ca	1 Tê-sa-lô-ni-ca
2 Tê-sa-lô-ni-ca	2 Tê-sa-lô-ni-ca	2 Tê-sa-lô-ni-ca	2 Tê-sa-lô-ni-ca
1 Ti-mô-thê	1 Ti-mô-thê	1 Ti-mô-thê	
2 Ti-mô-thê	2 Ti-mô-thê	2 Ti-mô-thê	
Tít	Tít	Tít	
Phi-lê-môn	Phi-lê-môn	Phi-lê-môn	Phi-lê-môn
Hê-bơ-rơ	Hê-bơ-rơ	Hê-bơ-rơ	
Gia-cơ	Gia-cơ	Gia-cơ	
1 Phi-e-rơ	1 Phi-e-rơ	1 Phi-e-rơ	
2 Phi-e-rơ	2 Phi-e-rơ	2 Phi-e-rơ	
1 Giăng	1 Giăng	1 Giăng	
2 Giăng	2 Giăng	2 Giăng	
3 Giăng	3 Giăng	3 Giăng	
Giu-đe	Giu-đe	Giu-đe	
Khải Huyền	Khải Huyền	Khải Huyền	

Sự Phiên dịch Kinh Thánh

Về bản văn Kinh Thánh Tân Ước : Được viết bằng tiếng Hi-lạp và để lại hàng nghìn bản, ấy là chưa kể những bản dịch đầu tiên sang tiếng La-tinh, tiếng Si-ri-ác (Syriaque), tiếng Cóp (Copte) và nhiều thứ tiếng khác nữa. Bản in đầu tiên của Kinh Thánh Tân Ước Hi-lạp được thực hiện hồi 1516 do nhà nhân văn học người Hà Lan, có tên là Erasme³. Trước khi phương Tây phát minh được máy in ấn vào thế kỷ 15, tất cả những bản viết muốn đem phổ biến đều phải được sao chép bằng tay bởi một nhóm ‘ký lục’ (scribes) tiến hành công việc theo sự tuyên đọc của một nhóm trưởng. Thời ấy không mấy người có đủ khả năng để có được một bản Kinh Thánh viết tay riêng cho mình. Nhìn chung, mỗi Hội Thánh lúc đó chỉ có được một bản viết Kinh Thánh để dùng cho hội chúng. Ban đầu, các sách Tân Ước được viết ra trên những cuộn làm bằng giấy côi, bằng da, hoặc vỏ giấy. Từ thế kỷ 2 trở đi, việc sử dụng các sách viết tay (Codex) được phổ biến khá rộng rãi.

Những nhà tiên phong của cuộc Cải Chánh

Vào cuối thời Trung Cổ, có nhiều bản dịch Kinh Thánh được hoàn thành và được giới tín đồ Cơ-đốc phổ biến trong tinh thần phản ứng chống lại các hiện tượng suy thoái của Giáo hội. Năm 1170, Ông **Pierre Valdo**, một thương nhân trở lại cùng Chúa ở Lyon, đã dịch Kinh Thánh sang tiếng Prô-vân-xan (Provençal). Những môn đệ của ông trước kia thuộc Hội Thánh Vô (Vaudois/Thụy Sĩ).

John Wycliffe⁴ : vào thế kỷ 14, thần học gia John Wycliffe của Đại học đường Oxford, qua nghiên cứu Kinh Thánh, đã khẳng định rằng cần phải đem Kinh Thánh đến với càng nhiều người càng tốt. Nhờ vậy, vào năm 1384, bản Kinh Thánh Vulgate đã được dịch sang Anh ngữ.

Jan Hus⁵ : là viện trưởng Đại học đường Tiệp Khắc, người chịu ảnh hưởng khá nhiều của Wycliffe. Dù phải lên giàn hỏa hồi 1415, song chính các môn đệ của ông đã tham gia dịch thuật Kinh Thánh và, vào năm 1475, người ta đã cho in ấn bản Kinh Thánh Tân Ước đầu tiên bằng tiếng Tiệp.

Cơ sở ấn loát và Cuộc Cải Chánh

Vào khoảng năm 1450, **Johannes Gutenberg**⁶ hoàn chỉnh và mang ra sử dụng kỹ thuật in-ti-pô (typographie) tại Mayence (nước Đức). Tác phẩm được in ấn đầu tiên chính là bản Kinh Thánh La-tinh (in vào năm 1456).

³ <http://vi.wikipedia.org/wiki/Erasmus>

⁴ http://vi.wikipedia.org/wiki/John_Wycliffe

⁵ http://vi.wikipedia.org/wiki/Jan_Hu

⁶ http://vi.wikipedia.org/wiki/Johannes_Gutenberg



An bản Kinh Thánh của Gutenberg

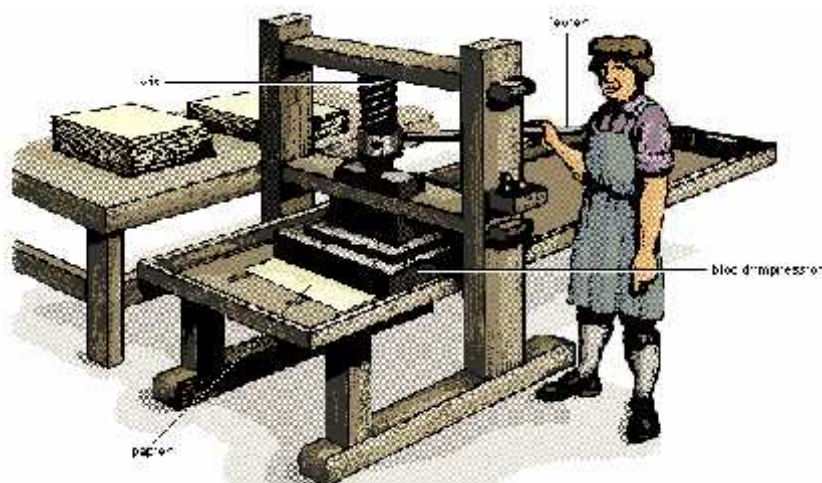


Chân dung Gutenberg

Mười năm sau, tại Strasbourg, bản Kinh Thánh được in trong tiếng Đức. Tiếp theo là bản Kinh Thánh tiếng Ý, được in vào năm 1471, rồi đến ấn bản Kinh Thánh Hà Lan (1477), và ấn bản Kinh Thánh tiếng Ca-ta-lăng (1478).

Bản Kinh Thánh Hi-bá-lai được in tại Ý hồi 1488, và bản Kinh Thánh Tân Ước Hi-lạp được in vào năm 1516.

Martin Luther⁷ đã nghiên cứu bản Kinh Thánh Cựu Ước và bản Kinh Thánh Tân Ước tiếng Hi-lạp của Erasme. Sau đó, ông tiến hành thực hiện một bản dịch mới của Kinh Thánh bằng tiếng Đức. (Tân Ước, hồi 1522, và Kinh Thánh, hồi 1532 ; bản dịch này luôn được dùng tới.)



Những máy in buổi ban đầu

Những máy in buổi ban đầu, thoạt nhìn trông không khác gì những máy ép dầu ô-liu hồi xưa. So với máy móc hiện đại thì các máy in ban đầu vận hành rất chậm chạp, chỉ cho ra được khoảng 250 mẫu in /giờ.

Nhờ sự phát minh của kỹ thuật ấn loát, nhiều ấn bản với các ngôn ngữ hiện đại đã ra đời. Vào cuối thế kỷ 15 và đầu thế kỷ 16, những bản in được phổ biến rộng rãi.

Dần dần, Kinh Thánh cứ được truyền bá với sự ra đời của hàng trăm bản in, trong hàng chục ngôn ngữ khác nhau.

Vào thế kỷ 19, các Thánh Kinh Hội được thiết lập để giúp đẩy mạnh sự truyền bá Lời Đức Chúa Trời.

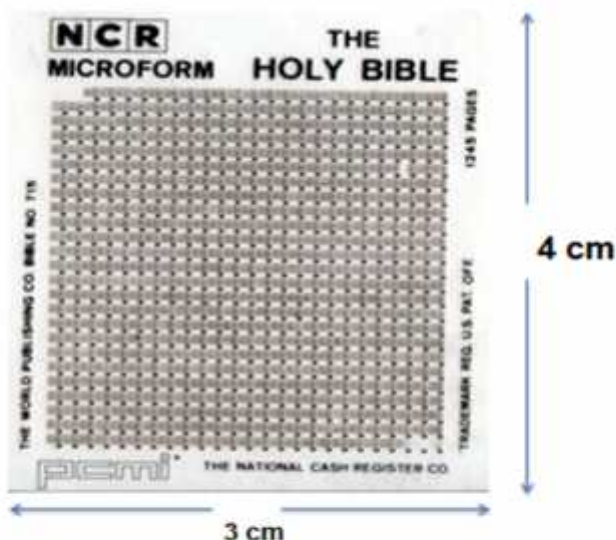
Hôm nay chúng ta có thể nói rằng Kinh Thánh đã được dịch ra hơn 2000 thứ tiếng (ấy là con

⁷ http://vi.wikipedia.org/wiki/Martin_Luther

số các thứ tiếng đã được dùng để phiên dịch, ít ra là một sách của Kinh Thánh)⁸. Kinh Thánh được phổ biến rộng rãi, xuất hiện trên màn ảnh Internet với nhiều thứ tiếng khác nhau, trong các đĩa CD ROM, trên Video, trong các máy ghi âm/phát âm... *Nói một lời, Kinh Thánh đã đến tay mọi người.* –

Về Kinh Thánh Việt Nam : *Kinh Thánh Tiếng Việt* (1926)

http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Th%C3%A1nh_Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t_%281926%29



Kinh Thánh nhỏ nhất trên thế giới của các phiên bản tiếng Anh gọi là « King James » / « Vua Gia-cơ » như một con tem bưu chính, (3 x 4 cm), chứa trong 1.245 trang của nó (National Cash Register Corporation).



Cách in bốn màu

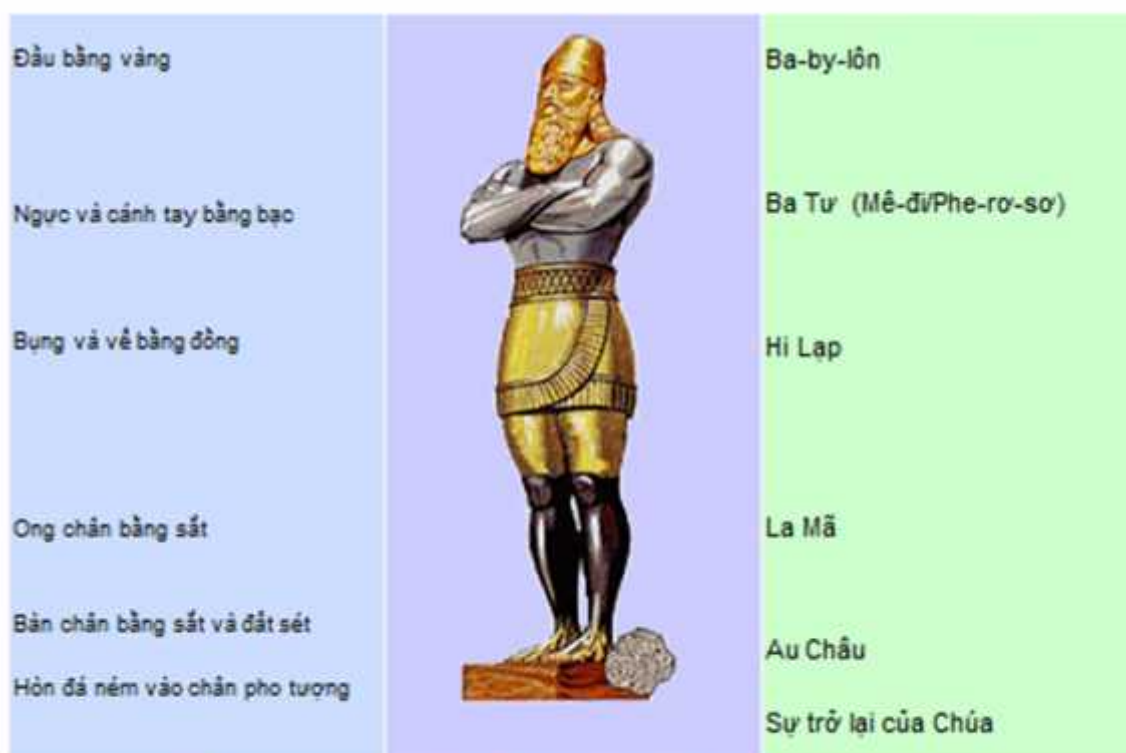
Để in màu một văn bản, tài liệu, người ta thường dùng bốn màu (vàng, đỏ thẫm, cyanide, và đen). Các màu này được pha chế theo trình tự hợp lý và với liều lượng khác nhau. Kế đó, còn phải kiểm tra độ chính xác của các màu pha chế và sắp xếp các bản sao chụp cho thẳng hàng ngay lối.

⁸ <http://www.vietchristian.com/kinhthanh/> <http://www.biblegateway.com/>

Giữa Cựu Ước Và Tân Ước ⁹

Khoảng 400 năm

- ✓ Thời kỳ lệ thuộc đế quốc Ba - tư (536-332 T.C.)
- ✓ Thời kỳ lệ thuộc đế quốc Hy - Lạp (331-167 T.C.).
- ✓ Thời kỳ độc lập (167-63 T.C.)
- ✓ Thời kỳ lệ thuộc đế quốc La - mã (từ 63 T.C., đến thời Đấng Christ)



Nê-bu-cát-nết-sa Đại đế” Đan. 2

⁹ <http://www.nhulieuthanhkinh.com/index.php/tham-kho-c-c/cay-gy-ca-ngi-chn-by/71-ngi-lanh-o-cn-bit-iu-gi/1443-c111-iu-gi-a-xy-ra-trong-cac-th-k-gia-cu-c-va-tan-c>



Thời kỳ lệ thuộc đế quốc Ba-tư (536-332 T.C.)

Lúc kết thúc Kinh Thánh Cựu Ước, khoảng 430 T.C., thì xứ Giu-đê (Do-thái) là một tỉnh của đế quốc Ba-tư. Ba-tư là một đế quốc làm bá chủ thế giới chừng 200 năm.

Trong thời gian này, ta ít được biết về lịch sử dân Do -thái. Phần nhiều nền cai trị của đế quốc Ba-tư ôn hòa và khoan hồng, và người Do -thái được hưởng quyền tự do rất rộng rãi.

Các vua Ba-tư trong thời kỳ này là :

At-ta-xét-xe I (465-425 T.C). Dưới đời trị vì của vua này, Nê-hê-mi xây lại thành Giê-ru-sa-lem. Xet-xe II (424). Đa-ri-út II, hoặc *Nothius* (423-405). At-ta-xét-xe II, hoặc *Mnemon* (405-358). At-ta-xét-xe III, hoặc *Ochus* (358-338). *Arses* (338-335). Đa-ri-út III, hoặc *Codomanus* (335-331). Đế quốc Ba-tư suy sụp dưới đời trị vì của vua này.

536 T.C. **Xô-rô-ba-bên** cùng với 42.360 người Do -thái, 7337 tôi tớ, 200 ca công, 736 con ngựa, 245 con la, 435 con lạc đà, 6720 con lừa và 5400 khí dụng bằng vàng, bằng bạc đã bị cướp mất ở Giê-ru-sa-lem.

457 T.C. **E-xơ-ra** với 1754 người nam, 100 ta-lâng vàng, 750 ta-lâng bạc, kể cả lễ vật của vua. Không nói có đờn bà, con trẻ cùng đi hay chẳng. Hành trình hết 4 tháng.

444 T.C. **Nê-hê-mi**, với tư cách trần thủ và có một đội quân hậu vệ, đã trở về xây lại thành Giê-ru-sa-lem, có vách lũy kiên cố, các khoản kinh phí do chánh phủ chịu.

Si-ru (538-529 T.C.). Chiến thắng Ba-by-lôn (536 T.C.). Đưa Ba-tư lên địa vị đế quốc bá chủ thế giới. Cho phép dân Do-thái trở về quê hương, để được ứng nghiệm lời tiên tri của Ê -sai.

Cambyses (529-522 T.C.). Người ta tưởng rằng ông là "At-ta-xét-xe" có chép ở E-xơ-ra 4:7, 11, 23 đã ra lệnh ngưng việc xây cất Đền thờ.

Đa-ri-út I (*Hystaspes*) (521-485 T.C.). Cho phép hoàn thành Đền thờ (E-xơ-ra 6). Trừ tác bị văn "*Behistun*" có danh tiếng.

Xet-xe (A-suê-ru) (485-465 T.C.). Nổi tiếng vì đã giao chiến với người Hy -lạp. Ê-xơ-tê là hoàng hậu của ông. **Mạc-đô-chê là thủ tướng của ông.**

At-ta-xét-xe I (*Longimanus*) (465-425 T.C.). Rất khoan hồng đối với dân Do-thái. Cho phép Nê-hê-mi, quan tể chánh của mình, xây lại thành Giê-ru-sa-lem.

Xet-xe II (424); **Đa-ri-út II** (*Nothius*) (423-405); **At-ta-xét-xe II** (*Mnemon*) (405-358); **At-ta-xét-xe III** (*Ochus*) (358-338); **Arses** (338-335).

Đa-ri-út III (*Codomanus*) (335-331). Ông bị *Alexandre* đại đế đánh bại năm 331 T.C., tại trận *Arbela* nổi danh trong lịch sử, gần vị trí thành Ni-ni-ve. Đó là lúc Ba-tư sụp đổ và Hy -lạp dấy lên. Đế quốc chuyển từ Á-châu qua Âu-châu.

Thánh Kinh Lược Khảo của HENRY H. HALLEY

Thời kỳ lệ thuộc đế quốc Hy-lạp (331-167 T.C.).

Cho tới lúc này, các đế quốc bá chủ thế giới đều ở Á-châu và Phi-châu. Nhưng ở chơn trời Tây phương, quyền lực của nước Hy-lạp đang chập chờn vươn lên một cách đáng lo ngại. Khởi đầu của lịch sử Hy-lạp bị phủ kín trong thần thoại. Người ta cho rằng lịch sử Hy-lạp bắt đầu khoảng thế kỷ thứ 12 T.C., tức là thời lý Các Quan xét trong Kinh Thánh. Rồi tới cuộc chiến tranh ở Troie và thi hào Homère, khoảng 1000 năm T.C., tức là đương thời Đa-vít và Sa-lô-môn. Người ta thường nhìn nhận rằng lịch sử Hy-lạp chân chánh bắt đầu từ hội nghị Olympiade thứ nhất (năm 776 T.C.). Rồi tới cuộc tạo thành các quốc gia *Helléniques* (Hy-lạp) (776-500 T.C.). Rồi tới các cuộc chiến tranh với đế quốc Ba-tư (500-331 T.C.), và các trận danh tiếng : *Marathon* (490), *Thermopyles* và *Salamine* (480). Rồi tới kỷ nguyên huy hoàng của *Périclès* (465-429) và *Socrate* (469-399), đồng thời với E-xơ-ra và Nê-hê-mi.

Năm 336 T.C., A-lich-son đại đế, mới 20 tuổi, cầm quyền chỉ huy quân đội Hy-lạp, và như một sao băng, ông lệ làng tiến về phía Đông, xâm lăng các xứ vốn ở dưới quyền các đế quốc A-si-ri, Ba-by-lôn và Ba-tư. Khoảng năm 331 T.C., cả thế giới (mà người ta biết thời đó) nằm dưới chơn ông. Khi xâm lăng xứ Pa-lét-tin (năm 332 T.C.), ông tỏ ra rất vị nể người Do-thái, tha không hủy phá thành Giê-ru-sa-lem, và cho phép người Do-thái đến cư ngụ tại thành phố *Alexandrie*. Ông thiết lập nhiều thành phố Hy-lạp trên khắp các lãnh thổ mình đã chinh phục, đồng thời cũng truyền bá tại đó văn hóa và ngôn ngữ Hy-lạp. Ông băng hà sau một cuộc trị vì ngắn ngủi (323 T.C.).

Lúc A-lich-son đại đế băng hà, đế quốc ông bèn rơi vào tay 4 tướng lãnh của ông. Hai phần ở phía Đông là Sy-ri (về tay *Séleucos*) và Ai-cập (về tay *Ptolémée*). Xứ Pa-lét-tin nằm giữa Sy-ri và Ai-cập, trước hết thuộc về Sy-ri, nhưng sau đó ít lâu, thì qua tay Ai-cập (năm 301 T.C.), và cứ ở dưới quyền kiểm soát của Ai-cập chừng 100 năm, cho tới năm 198 T.C.

Ở dưới quyền cai trị của các vua Ai-cập, gọi là *Ptolémée*, tình cảnh của người Do-thái thật là thái bình và sung sướng. Những người ở Ai-cập đã xây cất nhà hội ở khắp các khu họ định cư. *Alexandrie* trở thành một trung tâm hệ trọng của Do-thái giáo.

Antiochus đại đế tái chiếm xứ Pa-lét-tin năm 198 T.C., và xứ này lại về tay các vua Sy-ri, gọi là *Séleucos*.

Antiochus Epiphane (175-164 T.C) hung hăng hờn ghét người Do-thái ; ông giận hoàng và cương quyết cố gắng tiêu trừ họ và tôn giáo của họ. Ông tàn phá Giê-ru-sa-lem năm 168 T.C, làm ô uế Đền thờ, dâng một con heo cái trên bàn thờ, lập một bàn thờ cho thần *Jupiter*, cấm thờ lạy ở Đền thờ, cấm làm phép cắt bì (ai trái lệnh thì bị tử hình) hủy hết các bản sao Kinh Thánh mà ông tìm thấy, giết bất cứ người nào thấy có những bản sao ấy, bán hàng ngàn gia đình Do-thái làm tôi mọi, và dùng đủ thứ khổ hình không có thể tưởng tượng được để bắt người Do-thái bỏ đạo. Do đó, có cuộc khởi nghĩa của phái *Macchabées*, là một trong những sự nghiệp anh hùng nhất trong lịch sử thế giới.

Các Ptolémée (vua Hi-lạp trị vì ở Ai-cập) là :

- ✓ *Ptolémée I* (323-285 T.C.).
- ✓ *Ptolémée II (Philadelphie)* (285-247 T.C.).

Ptolémée II Philadelphie là người ai nấy đều cho rằng đó là "vua phương Nam" trong Đan 11:6 mà con gái *Bénérice* là vị "công chúa sẽ đến cùng vua phương Bắc để kết hòa hảo." Có lời truyền khẩu nói *Philadelphie* (285-249 T.C.) đã có sáng kiến truyền khởi dịch bản Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ ra tiếng Hy-lạp gọi là bản *Septante*. Vua này cũng xây tháp đăng (phare) rất danh tiếng tại *Alexandrie*.

Bản dịch LXX¹⁰ (Bản Bảy Mươi / La Septante) : đây là bản dịch tiếng Hi-lạp của kinh Cựu Ước, được thực hiện từ 285 đến 246 TC, bởi một nhóm người Do Thái sang định cư ở Ai Cập và chuyên dùng tiếng Hi-lạp. Và đây là quyển Kinh Thánh của tín đồ Cơ-đốc hồi thế kỷ 1.

Chữ **Septante** là từ thuật dành để nói tới bản dịch đầu tiên sang tiếng Hi-lạp của kinh Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ (Hi bá lai). Từ thuật này xuất xứ từ chữ La-tinh septuaginta (có nghĩa là « bảy mươi », mà hiện nay được viết tắt là LXX), ngụ ý nói lên rằng có bảy mươi hoặc bảy mươi hai dịch giả đã được một thầy tế lễ thượng phẩm Do Thái ủy nhiệm cho công tác phải hoàn thành một bản dịch sang tiếng Hi-lạp từ quyển Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ, theo lệnh của hoàng đế Hi-lạp **Ptolémée Đệ Nhị**. Tập trung trên một hải đảo, những dịch giả đã hoàn tất công việc yêu cầu trong bảy mươi hai ngày. Lại nữa, tuy nói là tập trung, nhưng mỗi người làm việc riêng biệt, do đó đã hoàn thành được bảy mươi bản dịch. *Trong thực tế, công tác dịch thuật này được thực hiện lại vào thế kỷ 3 TC và hoàn tất vào thế kỷ 2 SC.*

Công trình này được thực hiện để đáp ứng các nhu cầu của thành phần dân chúng Do Thái nói tiếng Hi-lạp ; đây là số dân Do Thái phân tán ra sinh sống bên ngoài lãnh thổ Palestine, và họ không thể đọc Thánh Kinh bằng ngôn ngữ gốc gác Hê-bơ-rơ. Có những bản dịch có quá nhiều điểm sai lầm về nghĩa, cũng như quá vụng về trong hành văn ; lại có những văn đoạn bị tự động cắt xén, một số khác thì được tùy tiện diễn giải. Tuy nhiên, bản dịch LXX (La Septante - Bản dịch Bảy Mươi) rất được nhìn nhận và chẳng mấy chốc đã t rở nên bản văn KT Cựu Ước của tín đồ Cơ-đốc. Sau đó, cũng có một số bản dịch mới được thực hiện, và người ta lưu ý đặc biệt nhất tới công trình hiệu đính của học giả Origène (185-254), người có công tìm cách thống nhất các bản dịch. Mẫu hình bản dịch lục giác của ông được trình bày với sáu cột, sáu bản dịch, trong đó, bản văn tiếng Hê-bơ-rơ được chuyển ngữ sang tiếng Hi-lạp.

Các sách viết tay (Codex) tiếng Hi-lạp

Sự phát hiện các bản cổ văn có tuổi thọ lớn hơn như bản Sinai (*Codex Sinaiticus*) và bản Vatican (*Codex Vaticanus*), khiến giới học giả xét lại quan điểm của mình về văn bản. Ấn bản năm 1831 của Karl Lachmann, dựa trên các bản cổ sao có niên đại từ thế kỷ thứ tư trở về trước, tìm cách biện luận rằng cần phải xét lại giá trị của *Textus Receptus*. Những bản văn này đều dựa trên những nghiên cứu học thuật nhờ vào sự khám phá các mảnh rời bằng giấy cói (*papyrus*), trong một số trường hợp, có niên đại lên đến chỉ vài thập niên cách biệt so với thời điểm trước tác của các sách trong Tân Ước. Do đó, hiện nay hầu như tất cả các bản dịch hoặc bản nhuận chánh (*revision*) của các bản dịch trước đó, tính từ hơn một thế kỷ cho đến nay, đều dựa trên các bản cổ sao này, mặc dù vẫn còn một số học giả thích lập nền trên *Textus Receptus* hoặc một bản văn tương tự, bản “*Byzantine Majority Text*”.

http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Th%C3%A1nh

Sinaiticus. Bản này của Tischendorf tìm ra trong nhà dòng Thánh Catherine trên núi Si-na-i, 1859. Ấy thuộc thế kỷ thứ IV. Dường như năm 1844, **Lobegott Friedrich Constantin (von) Tischendorf**¹¹ đến thăm nhà dòng đó, thấy có một cái giỏ đựng giấy cũ dùng để làm mồi lửa. Ông thấy một tờ của bản Septante, song người ta chỉ cho phép lấy đi 40 tờ. Mãi 15 năm sau, ông trở lại nhờ hoàng đế Nga giúp đỡ lấy được cả. Có Cựu Ước bằng tiếng Hy -lạp và cả Tân Ước viết rất cẩn thận trên da 100 linh dương. Hiện nay giữ tại viện bảo tàng Luân đôn. Có xuất bản làm bốn cuốn đúng như thế năm 1867. Có người nói ấy là bản cổ nhứt còn lại.

¹⁰ <http://simple.wikipedia.org/wiki/Septuagint>

<http://gianggiaithanhkinh.net/Tim%20Hieu%20Quyen%20Kinh%20Thanh/Lich-Su-Quyen-Kinh-Thanh.html>

¹¹ http://en.wikipedia.org/wiki/Constantin_von_Tischendorf

Vaticanus. Bản này để tại thư viện tại thành La-mã, bởi Giáo hoàng Nicolas V, 1447-55. Ấy cũng thuộc thế kỷ IV. Có phần lớn Cựu Ước, chỉ thiếu 46 đoạn Sáng thế ký và Thi Thiên 105:-137: và Tân Ước đến thư Hê-bơ-rơ 9:14 với một thư sau và sách Apocryphe. Cuối sách Mác, chép 16:9-19 không có trong hai bản Hy-lạp rất cổ. Hết cả chép trên 700 tờ da bò con độ 30 cm. vuông đóng thành sách. Có xuất bản làm 5 cuốn, 1857, và đúng như sách thường năm 1867.

Alexandrinus. Bản này do Cyril, trưởng lão thành Constantinople, dâng cho Charles I, 1627. Ấy thuộc thế kỷ V. Có cả Cựu Ước bằng tiếng Hy-lạp, chỉ thiếu 10 tờ, và Tân Ước thiếu Ma-thi-ơ 1:-25; Giăng 6:50-8:32; II Cô-rinh-tô 4:13-12:4. Hiện giữ ở bảo tàng tại Luân-đôn (Anh). Có xuất bản đúng như thế năm 1879, và như thường 1860 và 1864. Ấy là bản cổ thứ ba còn lại.

- ✓ *Ptolémée III (Evergète) (247-222 T.C.).*
- ✓ *Ptolémée IV (Philopator) (222-205 T.C.).*
- ✓ *Ptolémée V (Epiphane) (205-182 T.C.).*
- ✓ *Ptolémée VI (Philométor) (182-146 T.C.).*
- ✓ *Ptolémée VII (Evergète II) (146-117 T.C.).*

Các Séleucos (vua Hy-lạp trị vì ở Sy-ri) là:

- ✓ *Séleucos Nicator (323-285 T.C.).*
- ✓ *Antiochus I (Sôter) (280-261 T.C.).*
- ✓ *Antiochus II (Théos) (261-246 T.C.).*
- ✓ *Séleucos II (Callinicos) (246-226 T.C.).*
- ✓ *Séleucos III (Céraunos) (226-223 T.C.).*
- ✓ *Antiochus III (đại đế) (222-187 T.C.).*
- ✓ *Séleucos IV (Philopator) (187-175 T.C.).*
- ✓ *Antiochus IV (Epiphane) (175-164 T.C.).*
- ✓ *Antiochus V (Eupator) (163-161 T.C.).*
- ✓ *Alexandre Balas (161-146 T.C.).*
- ✓ *Antiochus VI (Théos) (146-143 T.C.).*
- ✓ *Tryphon (143-139 T.C.).*
- ✓ *Antiochus VII (Siclète) (139-130 T.C.).*

Thời kỳ độc lập (167-63 T.C.)

Cũng gọi là thời kỳ *Macchabées*¹², hoặc *Asmonéens*, hoặc *Hasmonéens*, *Mattathias*, thầy tế lễ có lòng yêu nước nồng nhiệt và can đảm vô biên, tức giận phùng phùng vì *Antiochus Epiphane* toan tiêu diệt dân Do-thái cùng tôn giáo của họ, bèn triệu tập một đoàn người Do-thái trung kiên, phát cờ khởi nghĩa. Ông có 5 con trai anh hùng và thiện chiến, là Giu-đa, Giô-na-than, Si-môn, Giăng và Ê-lê-a-sa. *Mattathias* qua đời năm 166 T.C.). Con trai ông, là Giu-đa, nối chức ông ; chàng là một chiến sĩ có tài thao lược lạ lùng. Chàng thắng hết trận này đến trận khác trước quân thù đông đúc không tưởng tượng được và tưởng chừng không sao thắng được. Chàng chiếm lại được thành Giê-ru-sa-lem (năm 165 T.C.), tẩy sạch Đền thờ và lại dâng nó cho Đức Chúa Trời. Đó là căn nguyên ngày lễ dâng Đền thờ. Giu-đa vừa làm thầy tế lễ, vừa cầm quyền hành chánh. Vậy, ông lập nên dòng *Asmonéens*, vừa làm thầy tế lễ, vừa làm vua. Dòng này cai trị một nước Do-thái độc lập suốt 100 năm sau, và gồm có : *Mattathias* (167-166 T.C.) ; Giu-đa (166-161 T.C.) ; Giô-na-than (161-144 T.C.) ; Si-môn (144-135 T.C.) ; Giăng *Hycranos* (135-106 T.C.), con trai Giô-na-than ; *Aristobule* và các con trai ông (106-63 T.C.), là những người không xứng đáng mang danh *Macchabée*.

¹² <http://en.wikipedia.org/wiki/Maccabees>

Thời kỳ lệ thuộc đế quốc La -mã (từ 63 T.C., đến thời Đấng Christ)

Năm 63 T.C., xứ Pa-lét-tin bị chinh phục bởi quân La-mã do *Pompée* chỉ huy. *Antipater*, người xứ Y-đu-mê (Ê-đôm, dòng dõi của Ê-sau), được cử làm tổng trấn xứ Do-thái. Con trai hắn, là Hê-rốt đại vương, kế vị hắn làm vua xứ Do-thái (37-3 T.C.). Để được lòng dân Do-thái ; Hê-rốt bèn xây lại Đền thờ nguy nga, rực rỡ. Nhưng hắn là một người tàn bạo và hung ác. Chính Hê-rốt này cai trị xứ Do-thái khi Đức Chúa Jê-sus giáng sanh. Chính là hắn đã tàn sát con trẻ tại Bết-lê-hem.

Nhà Hê-rốt

Hê-rốt Antiba người Y-đu-mê



Hê-rốt Đại Đế (37-3 T.C.)



Hê-rốt Antiba



Hê-rốt Ac-ríp-ba I



Hê-rốt Ac-ríp-ba II

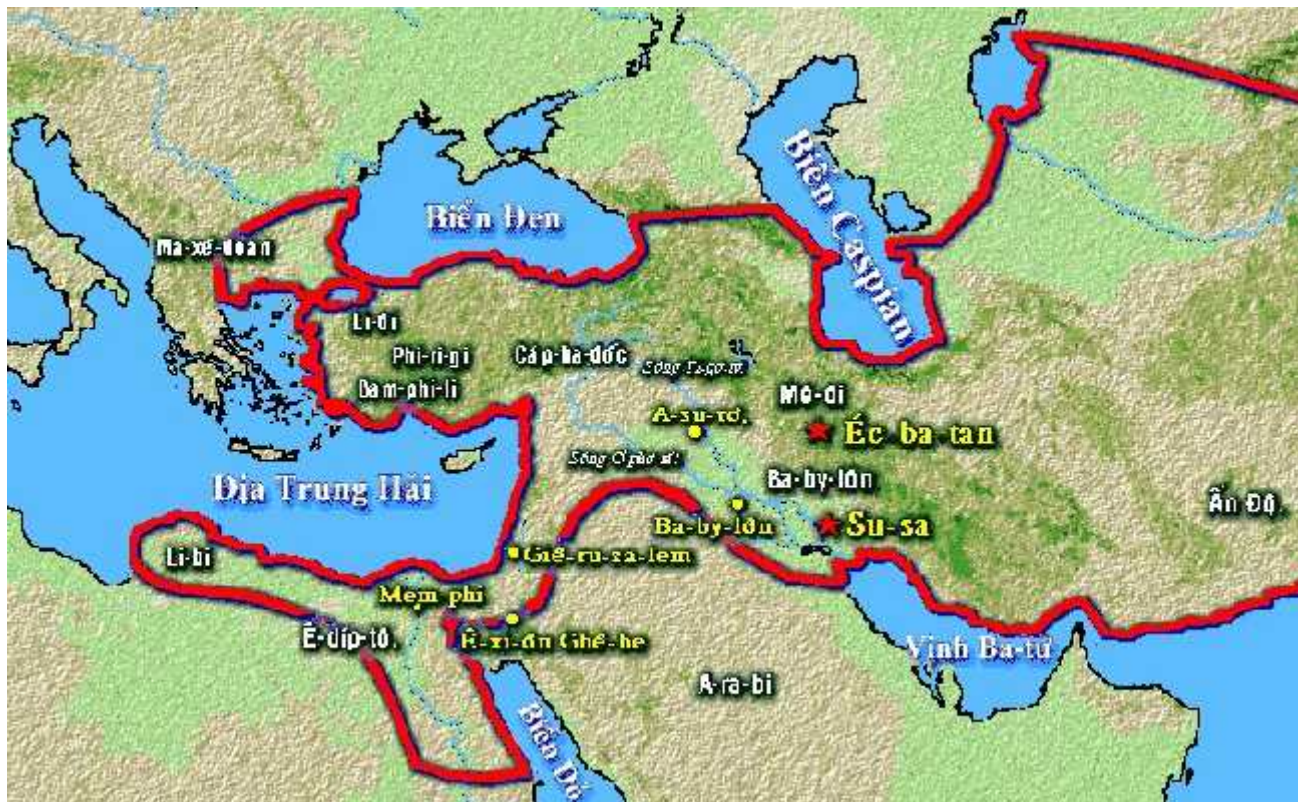
Nhà Hê-rốt là một triều vua gốc ở xứ Ê-đôm, dưới quyền đô hộ của người La-mã, họ đã được cai trị xứ Giu-đê trước khi Đấng Christ xuất hiện ít lâu.

Hê-rốt đại vương (37 -3 T.C.) đã đoạt được và giữ lấy ngôi bởi những hành động tàn bạo khôn tả xiết, thậm chí ông đã giết cả vợ và hai con trai. Ông là người hung ác, quỷ quyệt và vô tình. Chính ông đã giết những con trẻ ở Bết-lê-hem vì toan hạ sát Đấng Christ. Công vụ các sứ đồ 12:19,23 ; 25:1-4, 6-13

Chừng 33 năm sau, con trai ông, là Hê-rốt *Antipas*, giết Giăng Báp-tít (*Mác 6:14-29*), và chế nhạo Đấng Christ (*Lu-ca 23:7-12*).

14 năm sau nữa, cháu nội ông, là Hê-rốt Ac-ríp-ba I giết Sứ đồ Gia-cơ (*Công-vụ các Sứ-đồ 12:1-12*).

16 năm nữa, chắt nội ông, là vua Hê-rốt Ac-ríp-ba II, đã xét xử Phao-lô (*Công-vụ các Sứ-đồ 25:13 đến 26:32*).



Đế quốc Ba-tư



Đế quốc Hy-lạp



Đế quốc La-mã

Do Thái Giáo

Văn Chương

// Lu-ca 4:17 ; 24:44

Các sách Cựu Ước từ tiếng Hê-bơ-rơ

- Luật pháp
- Các tiên tri
- Các Tác phẩm

Bản Septante : Bản dịch này thông dụng đương thời Đấng Christ. Tân Ước viết bằng tiếng Hy-lạp.

Các Targums

Đây là những bản dịch các sách Cựu Ước từ tiếng Hê-bơ-rơ ra tiếng *Araméen*. Vì tiếng *Araméen* thông dụng khắp nơi, nên khi đọc Kinh Thánh ở nơi công cộng, cần phải giải nghĩa các danh từ Hê-bơ-rơ. Sau đó, những bản dịch miệng, những lời chú giải và những lời giải thích đã được chép thành sách.

Talmud

Đây là sách sưu tầm các truyền thoại của dân Do-thái và các lời giải thích Cựu Ước bằng miệng đã được viết ra nhằm thế kỷ thứ 2 S.C.; về sau có thêm phần bình luận các truyền thoại và lời giải thích đó.

Những ngụ thư của Cựu Ước

Từ 'APOCRYPHE' có nghĩa là « một cái gì bị che khuất, giữ bí mật, giấu kín hoặc khép kín ». Từ này trong tiếng Hi-lạp là « apokrupha », có nghĩa là 'được giấu kín'. Từ này được áp dụng đối với một số bản trước tác Cựu Ước bị nghi ngờ là không có xuất xứ rõ ràng, cũng như chẳng có giá trị đáng tin cậy.

Những ngụ thư của Cựu Ước

Theo phương pháp tính toán, người ta có thể xét thấy có 14 hay 15 cuốn ngụ thư Cựu Ước, nhìn chung được trước tác giữa khoảng thời gian 200 TC và 200 SC. Dưới đây là danh mục các ngụ thư, được trình bày theo thứ tự :

1. I.Ê-xơ-ra (cũng được nhận biết dưới cái tên là III.Ê-xơ-ra)
2. II.Ê-xơ-ra (cũng được nhận biết dưới cái tên là IV.Ê-xơ-ra)
3. Tô-bi (Tobie)
4. Giu-đít (Judith)
5. Ê-xơ-tê, bản tiếng Hi-lạp
6. Sự Khôn Sáng của Sa-lô-môn
7. Sách Giáo huấn 'Siracide', hay Sự Khôn Ngoan của Giê-su, con trai của Si-rác (Sirach)
8. Ba-rúc
9. Lá thư của Giê-rê-mi (Lá thư này đôi khi được coi như chương cuối của sách Ba-rúc). Nếu đúng như vậy, thì con số ngụ thư Cựu Ước là 14, thay vì 15.
10. Lời Cầu nguyện của A-za-ri-át (Prière d'Azarias) và Bài Thánh ca của ba bạn Đa-ni-ên.

11. Suzanne
12. Bel và Con Rồng (Bel et le Dragon)
(Ba bản trước tác cuối vừa rồi là những phần bổ sung cho sách Đa-ni-ên, được thấy trong một cuốn sách có tên là Đa-ni-ên, bản viết tiếng Hi-lạp.)
13. Bài Cầu nguyện của Ma-na-se (Prière de Manassé)
14. I.Ma-ca-bê (1 Maccabées)
15. II.Ma-ca-bê (2 Maccabées)

Những nơi thờ tự

Các nhà hội (synagogue)

Các nhà hội mọc lên đương thời dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày. Đền thờ bị phá hủy, dân tộc bị tan lạc, nên cần phải có những nhà hội để dạy đạo và thờ phượng Đức Chúa Trời bất cứ nơi nào có đoàn thể người Do-thái. Sau khi hồi hương, các nhà hội vẫn tồn tại vừa ở quê hương, vừa ở các trung tâm Do-thái nơi nước ngoài. Hết thảy thị trấn lớn có một hoặc nhiều nhà hội. Đứng đầu nhà hội có một ủy ban trưởng lão, hoặc quan trưởng. Mỗi nhà hội có bản sao các sách Kinh Thánh, họ mở đọc thường xuyên và công khai. Các cuộc nhóm họp và nơi nhóm họp của tín đồ đầu tiên một phần rập theo mẫu các nhà hội.

E-xơ-ra 8:13; Nê-hê-mi 8:2; 9:1; Xa-cha-ri 7:5

Mác 1: 21 “Kể đó, đi đến thành Ca-bê-na-um ; nhằm ngày Sa-bát, tức thì Đức Chúa *Jêsus vào nhà hội*, khởi dạy dỗ tại đó.”

Đền thờ (Temple)

Đền thờ Giê-ru-sa-lem hay còn gọi là **Đền Thánh** tọa lạc trên một ngọn núi bên trong thành phố cổ Jerusalem.

Muốn hiểu lịch sử đền thờ Giêrusalem, cần phân biệt 3 giai đoạn khác nhau:

1. đền thờ do vua Sa-lô-môn xây,
2. đền thờ do vua Xô-rô-ba-bên xây và
3. đền thờ do vua Hê-rốt sửa lại.

Năm 17, Hê-rốt bắt đầu sửa lại đền thờ do Xô-rô-ba-bên đã bị phá. Hê-rốt cho nối rộng chu vi tường chung quanh chừng 1.544 m. Xây lại pháo đài cũ về góc tây bắc. Đổi thành pháo đài Antonia, để ghi ơn hoàng đế La mã Antonio. Khu vực chính của đền thờ, vua để các tước xây lấy, chỗ mà chỉ có họ vào được, dài 45 m và cao 54 m. Đền thờ (nhỏ) này ghép bằng đá hoa trắng, mỗi phiến dài 11 m 25, rộng 5 m 40, cao 3 m 60.

Đại đế, có bức tường ngoài cùng, xây các cửa vào đền thờ. Bên trong bức tường có sân dành cho dân ngoại.

Rồi đến bức tường vòng thứ hai. Bên trong tường hai này có sân dành cho phụ nữ, sân dành cho nam giới, rồi tới sân tư tế.

Đi từ đông tiến về tây, có đền thờ chính gồm : tiền đường, nơi thánh, nơi cực thánh.

Chúa Giêsu và các Tông đồ chu toàn nghĩa vụ thờ phượng trong đền thờ này, và cũng đền thờ tráng lệ nguy nga này sẽ bị phá bình địa vào năm 70 như Chúa đã phán trước : “*Không còn hòn đá nào chống trên hòn đá nào*” (Mt 24: 12).

Những tín phái của Do thái Giáo

Phái Sa-đu-sê (Les sadducéens) :

Nguồn gốc và tên gọi của phái này có một xuất xứ khá mù mờ. Có lẽ phái này lấy tên gọi từ 'Tsadoq', là tên một thầy tế lễ cả dưới thời vua Đa-vít, hoặc giả từ chữ 'tsadiq', một tính từ trong tiếng Hê-bơ, có nghĩa là công bình. Vào thời Ê-xơ-ra, các thầy tế lễ, kể cả thầy tế lễ thượng phẩm, đã lấy vợ ngoại bang, từ đó có phần nào mở cửa cho thế giới ngoại giáo, là sự kiện mà thành phần các thầy thông giáo và những phần tử am tường Luật Pháp không bao giờ có thể chấp nhận. Sự đối kháng càng gia tăng vào thời vua Antiochus IV Epiphane : một nhóm theo khuynh hướng Hi Lạp tìm cách cho du nhập những quan điểm và lối sống của Hi Lạp, khiến gây nên những phản ứng mãnh liệt từ phía những phần tử Hát-si-đim (Hassidims), tức thành phần « sùng đạo » và là tổ tiên thiêng liêng của những người Pha-ri-si.

Phái Sa-đu-sê ủng hộ những người At-mô-niên (Asmonéens), tức những phần tử lãnh đạo thu gom trong tay hết mọi chức tước chính trị, tôn giáo và nắm giữ những vị trí tối quan trọng trong đền thờ, tại các sân xử án cũng như ở ngay cả Tòa Án Tối cao. Họ chế ngự thành phần nói trên, là thành phần hành xử dưới quyền của thầy tế lễ cả được biết là hưởng ứng nền văn hóa Hi Lạp và trung thành với quyền lực của đế quốc thống trị. Theo sử gia Josèphe, họ là những người có thế lực, luôn sống « dựa vào những kẻ giàu có hơn là dựa vào quảng đại quần chúng nhân dân » (Antiquités juives, XIII, 10, 6). Họ tách rời giữa chính trị và tôn giáo, trong khi đó, người Pha-ri-si quan niệm rằng Đức Chúa Trời sẽ can thiệp trên bình diện chính trị để quyết định cho tương lai của dân sự Ngài.

Giáo lý và đường lối thực hành giáo lý của họ có thể được tóm tắt như sau :

- 1) Họ chấp nhận bản văn Luật Pháp, nhưng phủ nhận những truyền thống được truyền tụng bằng miệng trong dân gian mà người Pha-ri-si công nhận và sử dụng.
- 2) Họ phủ nhận sự sống lại của thân thể và sự bất diệt của linh hồn, cho rằng các giáo lý này không thấy được dạy rõ ràng trong bộ Ngũ Kinh (Pentateuque : 05 sách đầu của Kinh Thánh). Họ không mấy lo nghĩ về thế giới bên kia mà chỉ quan tâm đến thế giới vật chất mà thôi.
- 3) Là những người ủng hộ thuyết « Ý chí tự do », họ quan niệm rằng Đức Chúa Trời không can thiệp vào các sự việc của loài người trong thế gian, nhưng đã ban cho con người có « ý chí tự do » để giúp con người hướng dẫn cuộc sống và giải quyết các vấn đề của mình.
- 4) Họ phủ nhận sự phán xét sau khi chết và tin rằng sự khen thưởng và đoán phạt là hậu quả tự nhiên của những hành động của chúng ta.
- 5) Họ không quá thận trọng dè giữ như người Pha-ri-si đối với các giới răn về sự thánh khiết.
- 6) Trái lại, họ tỏ ra khắt khe hơn người Pha-ri-si trong việc thẩm xét những vụ án hình sự, ngoại trừ có các trường hợp chứng gian chứng dối thì cần thẩm tra lại vụ án hầu kịp thời đưa ra bằng chứng để giảm hoặc xóa án. Họ nghĩ rằng có nhiều điều luật của Cựu Ước cần phải được diễn giải theo nguyên văn và phải được triệt để áp dụng.

(Mt. 16:1-12; 22:23-33 ; Công-vụ Các Sứ-đồ 23:6-9)

Phái Pha-ri-si (Les pharisiens) :

Theo lời truyền tụng thì danh xưng này có nghĩa là « biệt riêng » hay, được dùng lần đầu tiên dưới thời vua Jean Hyrcan để chỉ về những kẻ phản đối việc để cho một người At-mô-niê (Asmonéen) giữ chức thầy tế lễ cả. Người Pha-ri-si thuộc gốc tổ tiên « hát-si-đim » (Hassidim), là thành phần dân Do Thái sùng đạo cương quyết chống lại sự xâm nhập của ảnh hưởng Hi Lạp vào nền văn hóa Hê-bơ. Họ kế thừa được các ý tưởng của Ê-xơ-ra và tận lực bảo toàn một đường lối diễn giải nghiêm túc về Luật Pháp cũng như về những yêu cầu của Luật Pháp. Về phương diện chính trị, họ kém ảnh hưởng hơn so với người Sa-đu-sê, nhưng họ được dân chúng ủng hộ và chính họ định hướng cho nếp sống văn hóa của người Do Thái.

Các nguyên tắc lớn của họ được kể như sau :

- 1) Một nền tôn giáo dựa trên Luật Pháp và sự thực hành nghiêm chỉnh về phép cắt bì, ngày sa-bát và các ngày lễ hàng năm.
- 2) Luật pháp chủ nghĩa, tức tinh thần triệt để tuân thủ Luật Pháp Đức Chúa Trời, và điều đó có nghĩa là sự cứu rỗi nằm trong nỗ lực hoàn thành những điều răn của thiên thượng. Họ đặc biệt chú trọng tới sự thánh khiết và đồng thời tới sự cách ly của những người cùng những đồ vật dùng trong lúc cúng tế, nhằm bảo toàn tính cách biệt riêng và tránh tiếp xúc với những gì ô-úế.
- 3) Duy trì những truyền thống của tổ tiên, tức dạng luật pháp được truyền miệng để giúp diễn giải bản Luật Pháp đã thành văn, và để giúp áp dụng một cách nghiêm túc trong đời sống hàng ngày những điều răn của Đức Chúa Trời, đồng thời điều chỉnh một số quy định trong việc hành đạo cho phù hợp với yêu cầu của các hoàn cảnh, tình hình mới.

Sau đây là những quan điểm chủ đạo trong giáo lý của phái Pha-ri-si :

- 1) Về bộ Ngũ Kinh (Torah) và các truyền thống : hai phần này đều có giá trị quy chuẩn, trong khi phái Sa-đu-sê bác bỏ phần luật pháp truyền miệng (truyền thống). Người Pha-ri-si thì cho rằng các truyền thống là cần thiết để giúp Luật Pháp không bị vi phạm. Họ còn dạy rằng trên núi Si-na-i, Đức Chúa Trời đã tiết lộ cho Môi-se không chỉ về nội dung của năm sách Luật Pháp (Le Pentateuque), mà còn về cả những giới răn, giới luật được giáo huấn qua truyền thống.
- 2) Sự thực hữu của một Đức Chúa Trời độc nhất và tối cao đang nắm quyền chủ tể toàn cõi nhân gian, chính Ngài là đáng duy nhất đáng phải được tôn thờ. Họ tin rằng dù là đáng chủ tể tối cao, Ngài vẫn hiện diện trong Đền Thánh. Tính toàn năng của Đức Chúa Trời đảm bảo cho những người Pha-ri-si rằng không có bất kỳ thứ gì có thể chống lại sự phán xét của Ngài, cũng như chẳng có bất cứ điều gì có thể làm hỏng các chương trình kế hoạch của Ngài.
- 3) Tội lỗi phát sinh từ chỗ không vâng phục Đức Chúa Trời. Nó phơi bày ra một khuynh hướng về điều ác mà Đức Chúa Trời đã dựng nên ở con người. Tuy nhiên, trong cuộc sáng tạo của Ngài, con người đồng thời cũng nhận được một khuynh hướng về điều thiện. Như vậy, con người cần phải biết sử dụng năng lực ý chí tự do của mình để làm những điều tốt lành.
- 4) Phái Pha-ri-si tin rằng có sự bất diệt của linh hồn cũng như có các sự thưởng phạt ở bên kia thế giới. Họ cũng tin vào sự sống lại của kẻ chết, và điều này giúp cho những kẻ chết trong Chúa có thể nếm được những nguồn vui của thiên đàng trên đất ở ngày mai. Đồng thời, họ cũng mong đợi sẽ có nhiều dân ngoại trở lại cùng Đức Chúa Trời và được dự phần vào sự cứu rỗi của dân Y-sơ-ra-ên.

5) Đấng Mê-si (hay vị Cứu Tinh) mà họ trông chờ sẽ là con cháu vua Đa-vít và là một vị vua chính trị ; vua này sẽ đến để giải phóng thành Giê-ru-sa-lem thoát khỏi ách kềm kẹp, áp bức của các dân tộc ngoại bang. Sự chờ đợi Đấng Mê -si diễn ra ở hai tầm nhìn : a) tầm nhìn quốc gia hướng về một kỷ nguyên vinh quang của sự tái lập nền độc lập và quyền lực Do Thái, b) tầm nhìn tận thế hướng tới thảm họa toàn cầu và sự xây dựng một thế giới mới. Ngôi nước Đa -vít được tái lập sẽ đem lại một thời đại hòa bình, thịnh vượng, công bằng và thắm đượm tình người. Nhưng để đạt được điều đó, cần phải có sự xuất hiện của một hậu tự thuộc dòng Đa-vít, được Đức Chúa Trời chỉ định, là một nhân vật giải phóng anh hùng, là « con người » của sách Đa-ni-ên 7 :13. Giê-ru-sa-lem sẽ là bộ ngai trị vì của vương quốc người. Tuy nhiên, với quyết tâm chờ đợi một Đấng Mê-si nặng về tính tôn giáo hơn là chính trị, một số phần tử Pha-ri-si hân hoan rao báo rằng quyền tể trị chí tôn của Đức Chúa Trời rồi đây sẽ được thiết lập và rằng Do Thái giáo sẽ trở thành nền tôn giáo hoàn cầu.

6) Trái với nhóm Sa-đu-sê, người Pha-ri-si tin tưởng vào sự thực hữu và chức năng của thiên sứ, là những vị trung gian giữa Đức Chúa Trời và loài người và đồng thời là công cụ để chuyển tải các phúc hạnh của Ngài.

Mt.12:1-2; 23:1-2; Lu-ca 6:6-7; 12:1 - Phao-lô : Công-vụ Các Sứ-đồ 23:6

Phái Zê-lốt, người Đẳng Xê-lốt (Zélote) (người sốt sắng) :

Đây là nhóm quyết liệt tận hiến cho sự bảo vệ Luật Pháp và đời sống quốc gia Do Thái. Họ có nhiều ảnh hưởng tại xứ Ga-li-lê và sau đó tại Giê-ru-sa-lem, từ thời Hê-rôt cho tới khi thành phố bị sụp đổ vào năm 70. Chống lại sự thống trị của La-mã, thành phố thờ lạy thần tượng, họ đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy khắp nơi. Kế hoạch của nhóm Zê -lốt – tức những phần tử sùng đạo và yêu nước quá khích – là quyết tâm bằng mọi cách, mọi giá phải chống lại tất cả những ách thống trị của ngoại bang.

Một ngày nọ, với dao găm lặn trong mình, mười phần tử Zê -lốt đi vào nhà hát lớn ở Giê-ru-sa-lem tìm cách hạ sát vua Hê-rôt khi ông đang xem kịch. Chẳng may, có người báo nên âm mưu bại lộ, và vua Hê-rôt đã cho hành hình hết cả mười người ấy. Dân chúng phần nộ, liền bắt tên gián điệp đã báo tin cho Hê-rôt, và đem đi ném đá cho tới chết. Về sau, ngay khi đang nằm trên giường hấp hối, tên bạo chúa Hê-rôt vẫn ra lệnh cho bắt và hành quyết khoảng bốn mươi thanh niên đã theo chỉ đạo của hai thầy thông giáo đến tháo bỏ tượng hình con đại bàng bằng vàng mà Hê-rôt cho gắn trên cửa Đền Thờ. Hê-rôt cũng đã cho đem chặt đầu, mà không cần xét xử, một phần tử Zê-lốt có tên Hê-zê-kia (Hezekias). Các con trai của Hê-zê-kia liền tập hợp những phần tử nổi dậy thành một lực lượng chính trị xung kích , và lực lượng này đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa của xứ Ga-li-lê hồi năm 06 dưới sự lãnh đạo của Giu -đa Ga-ma-la (Judas de Gamala), nhằm phản đối sắc thuế đánh trên tài sản mà Qui -ri-ni-u (Quirinius), quan toàn quyền xứ Xi-ri, đã ban hành.

Nhóm Zê-lốt tham dự vào việc ám sát tất cả những kẻ ngoại giáo xâm nhập đền thánh. Trên tường có hàng chữ viết nêu rõ sự phân cách giữa khu sân ngoài dành cho dân ngoại và khu sân ngoài dành cho dân Y-sơ-ra-ên, trên đó kêu gọi những kẻ không chịu cắt bì coi chừng bị trừng phạt nếu vi phạm qui định. Dù nguồn gốc của họ không được rõ ràng, song thấy họ có tinh thần của những người Ma-ca-bê (Maccabées). Những phần tử quá khích nhất trong đám họ được gọi với cái tên là « sicaires » (những sát thủ/assassins). Họ giấu dao găm dưới áo choàng và tìm giết các phần tử Do Thái phản bội làm tay sai cho người La-mã.

- ❖ Si-môn gọi là Xê-lốt *Lu-ca 6:15 ; Công-vụ Các Sứ-đồ 1:13*
- ❖ Giuđa Ítcariôt
- ❖ *Công-vụ Các Sứ-đồ 23:12-13*

Phái Et-sê-niên, người Đấng Êtsin (Les esséniens) :

Có lẽ nhóm người Et-sê-niên xuất hiện vào cuối thời kỳ nổi dậy của nhóm Ma-ca-bê (Maccabées), khi đang cấp tăng lữ dưới quyền điều động của phái Sa-đu-sê tỏ ra suy đồi vì phải nhượng bộ quá nhiều trước ảnh hưởng của Hi Lạp. Một số phần tử Do Thái sùng đạo tìm cách rút lui ra khỏi xã hội để thành lập những cộng đồng tu hành (tu viện), và ở đó, nhìn chung không thấy có bóng dáng người phụ nữ (!). Họ gom góp chung mọi tài sản của mình và sống một nếp sống khổ hạnh. Họ tự quản tự cung cho mình mọi nhu cầu bằng chính kết quả lao động chân tay, phần nhiều là về canh tác nông nghiệp. Khi thì giờ còn lại sau lao động, họ tập trung cho việc nghiên cứu Luật Pháp Đức Chúa Trời. Theo triết gia Do Thái Philon ở thành Alexandrie, thì họ không bao giờ tập trung thành một khối đông người. Nhiều học giả nhận định rằng những người Et-sê-niên (esséniens) chính là Cộng đồng Qumran.

Về giáo lý và đường lối sống đạo, thì thấy họ gần với phái Pha-ri-si hơn là phái Sa-đu-sê. Tuy nhiên, nhóm Et-sê-niên bác bỏ tín lý về sự sống lại của người chết, mà chỉ tin tưởng vào sự bất diệt của linh hồn. Mặt khác, họ nghiêm chỉnh tuân thủ các sự giáo huấn của Luật Pháp, nhất là về sự thánh khiết trong nghi thức thờ phượng.

Có điều đáng ngạc nhiên, không thấy có một lần nào mà Tân Ước đề cập tới phái Et-sê-niên, cho dù sự hiện hữu của họ trong thời Chúa Giê-su thì ai cũng biết rõ. Lại nữa, có nhiều nhà bình luận nghĩ rằng Hội Thánh ban đầu đã chịu ảnh hưởng rất nhiều về đường lối tổ chức và phong cách sống của cộng đồng Et-sê-niên.

Phái Et-sê-niên, người Đấng Êtsin (Les esséniens) // Qumran - các cuộn giấy ở Biển Chết

Các thầy thông giáo (Scribe)

(Trong Cựu Ước, nhiều chỗ dịch là : ký lục, thư ký, văn sĩ.)

Các thầy thông giáo là người chép Kinh Thánh. Đây là một chức nghiệp có từ thời rất xưa, và rất quan trọng đương lúc chưa có máy in. Người ta cho rằng họ bắt đầu xuất hiện đương lúc dân bị lưu đày và hợp thành một đoàn thể có tổ chức chánh thức. Công việc của họ là kê cứu, giải thích và biên chép Kinh Thánh. Vì họ hiểu biết luật pháp tỉ mỉ, nên cũng được gọi là thầy dạy luật (luật sư), và được thừa nhận là người có thẩm quyền. Các quyết định của thầy thông giáo trở thành luật pháp truyền bằng miệng, tức là « lời truyền khẩu ». Đương thời các *Macchabées*, họ đông lắm và rất có thể lực trong vòng dân chúng.

Mt. 22:35-36; Lu-ca 10:25-26; 14:3; Mác 12:28, 35

Các trưởng lão trong dân. *Ma-thi-ơ 27:1; Lu-ca 22:66; Công-vụ Các Sứ-đồ 22:5*

Tòa Công luận (Sanhédrin).

Là cơ quan được thừa nhận cầm đầu dân Do-thái đương thời Đấng Christ. Người ta cho rằng nó có từ thế kỷ thứ 3 T.C. Nó gồm 70 thành viên, phần nhiều là thầy tế lễ và nhân sĩ thuộc phe Sa-đu-sê, vài người thuộc phe Pha-ri-si, vài thầy thông giáo, một số trưởng lão (của chi phái hoặc của gia tộc). Tòa Công luận do thầy tế lễ thượng phẩm chủ tọa, và biến mất khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, năm 70 S.C.

Mt. 26:57-58; Giăng 18:31; 19:7; Công-vụ Các Sứ-đồ 4:1-7; 6:12-7:1

Môn đồ mình với đảng vua Hê-rốt - Herodians : *Ma-thi-ơ 22:16 ; Mác 3:6; 12:13-17*

Dân Ga-li-lê – Galileans : *Ma-thi-ơ 26:69 ; Mác 14:70 ; Lu-ca 13:1-3 ; 23:6*
Công-vụ Các Sứ-đồ 5:37 « Kế hẳn thì có Giu-đa¹³, người Ga-li-lê, dấy lên, về thời kỳ tu số dân, rủ nhiều người theo mình; nhưng rồi cũng chết, bao nhiêu kẻ theo phải tan tành. »

Những người thu thuế

Mat 5:46;9:10,11;10:3;11:19;18:17;21:31,32;

Mác 2:15,16;

Lu-ca 3:12;5:27,29,30;7:29,34;15:1;18:10;19:2

Sự Tản lạc (Diaspora)

Đó là tên chỉ những người Do -thái sống ngoài xứ Pa-lét-tin và cứ giữ các tập tục tôn giáo giữa vòng dân ngoại. Rất nhiều người Do -thái nhứt định cứ ở các nước mình đã làm phu tù. Trong thời gian giữa Cựu Ước và Tân Ước, thì người Do -thái ở ngoài xứ Pa-lét-tin sanh sản đông hơn người Do-thái ở trong xứ Pa-lét-tin bội phần. Có những khu vực Do-thái đông đúc ở mỗi xứ và mỗi đô thị lớn của thế giới văn minh, như Ba -by-lôn, A-si-ri, Sy-ri, Phê-ni-xi, Tiểu-Á-tê-á, Hy-lạp, Ai-cập, Bắc phi và La-mã. Ba khu vực quan trọng của sự Tản lạc là Ba-by-lôn, Sy-ri và Ai-cập. Đương thời Đấng Christ, người Do -thái ở Ai-cập tính phỏng có tới 1 triệu. Người Do-thái cũng ở rất đông đúc tại Đa-mách và An-ti-ốt. Mỗi chỗ họ ở đều có nhà hội và Kinh Thánh. Vậy, do hóa cơ của Đức Chúa Trời, đang khi người Do -thái bị đem đi làm phu tù tại ngoại bang (vì Ngài hình phạt tội lỗi của họ), thì tình trạng lưu đày của họ đã trở thành ích lợi cho các dân tộc mà họ bị tan lạc tới đó. Họ có ảnh hưởng đến tư tưởng các dân tộc, và cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng các dân tộc ấy.

¹³ https://en.wikipedia.org/wiki/Judas_of_Galilee

Các kỳ lễ (les fêtes) // Lê-vi Ký 23:1-2

Mỗi năm ba lần, hết thầy người nam phải đến châu trước mặt Đức Chúa Trời, tức là nhằm Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ Tuần, và lễ Lều tạm. Ngoài ra còn có lễ Thổi Kèn và đại lễ Chuộc Tội. Những lễ này cốt để làm cho nhơn dân tưởng đến Đức Chúa Trời luôn và để thực hiện sự thống nhất quốc gia. Nó nhằm mục đích tôn giáo và xã hội, như là đối với người nghèo."

Lễ Vượt Qua : Cũng gọi là lễ Bánh Không Men, cử hành vào mùa xuân, ngày 15 tháng giêng, kéo dài 7 ngày, cốt để kỷ niệm sự giải cứu họ khỏi nước Ai -cập.

Lễ Ngũ Tuần : Cũng gọi là lễ Bảy Tuần, lễ Mùa Gặt, hoặc lễ Trái Đâu Mùa, cử hành ngày thứ 50 sau Lễ Vượt Qua, và kéo dài 1 ngày.

Lễ Lều tạm : Cũng gọi là lễ Mùa Gặt (Xuất Ê-díp-tô ký 23:16), cử hành ngày 15 tháng 7, 5 ngày sau đại lễ Chuộc Tội, và kéo dài 7 ngày.

Lễ Thổi Kèn - The day to sound the trumpet. Fête des trompettes : Cử hành ngày 1 tháng 7, mở đầu năm hành chánh (xem Dân số ký 28).

Đại lễ Chuộc Tội : Cử hành ngày 10 tháng 7 (xem Lê-vi ký 16 : Lễ này cử hành ngày 10, tháng 7. Đây là ngày lễ long trọng hơn hết trong một năm, tức là ngày mà thầy tế lễ thượng phẩm vào Nơi Chí thánh để chuộc tội cho toàn dân. Sự cất bỏ tội lỗi chỉ trong vòng một năm (Hê-bơ-rơ 10:3), nhưng nó chỉ bóng về sự cất bỏ đời đời (Xa -cha-ri 3:4, 8, 9; 13:1; Hê-bơ-rơ 10:14)).

Ngày lễ Purim : Ê-xơ-tê 9:20-31

Ngày Sa-bát / Shabbat

// Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11;23:12; Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:15
Mat 12:1;28:1; Mác 1:21;3:2;6:2; Lu-ca 4:16; Giăng 5:10

Lễ Vượt Qua = *pessah* // Xuất Ê-díp-tô Ký 12
Mat 26:2,17,18,19; Mác 14:1,2; Lu-ca 2:42;22:1,7,8; Giăng 6:4;11:55

Lễ Ngũ Tuần = *shavouôt* // Xuất Ê-díp-tô Ký 23:16;34:22 ; Phục-truyền Luật-lệ
 Ký 16:9-10 - Công-vụ Các Sứ-đồ 2:1

Lễ Lều tạm = *soukkot* // Xuất Ê-díp-tô Ký 23:16,33-43

Lễ Thối Kèn¹⁴ = *Rosh Hashanah* // Xem Dân 29:1; Lêv 23:24.

Đại lễ Chuộc Tội = *Yom Kippour* // Lê-vi Ký 16

Ngày lễ Purim = *Pourim* // Ê-xơ-tê - Giăng 5:1

Lễ Khánh Thành đèn thờ¹⁵ // Judas Macchabée - Giăng 10:22

¹⁴ <http://www.nhulieuthanhkinh.com/index.php/kinh-thanh/thi-d-minh-ha/32-t-in-kinh-thanh/181-l-thi-ken>

¹⁵ Lễ Khánh Thành đèn thờ

<http://www.nhulieuthanhkinh.com/index.php/kinh-thanh/thi-d-minh-ha/32-t-in-kinh-thanh/185-l-khanh-thanh-n-th>

Lịch Do-thái

Có năm tôn giáo và năm hành chánh. Năm tôn giáo bắt đầu ở mùa xuân. Năm hành chánh bắt đầu ở mùa thu. Tháng 7 của năm tôn giáo là tháng giêng của năm hành chánh. Năm chia làm 12 tháng theo mặt trăng, và cứ 19 năm lại 7 lần có 13 tháng.

Ngày thiên nhiên là từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. Đêm thiên nhiên là từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc. Ngày hành chánh là từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc.

Giờ thì tính từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối. Canh một từ 6 đến 9 giờ tối; canh hai từ 9 giờ tối đến 12 giờ đêm; canh ba từ 12 giờ đêm đến 3 giờ sáng, là lúc gà gáy; canh tư từ 3 giờ đến 6 giờ sáng.

Tháng	Tên	Khoảng	Lễ
Giêng	<i>Abib</i> , hoặc <i>Nisan</i>	Tháng 4 (dương lịch)	Vượt qua
Hai	<i>Ziv</i> , hoặc <i>Lyar</i>	Tháng 5	
Ba	<i>Sivan</i>	Tháng 6	Ngũ tuần
Tư	<i>Tammuz</i>	Tháng 7	
Năm	<i>Ab</i>	Tháng 8	
Sáu	<i>Elul</i>	Tháng 9	
Bảy	<i>Ethanim</i> , hoặc <i>Tishri</i>	Tháng 10	Lều tạm
Tám	<i>Bul</i> , hoặc <i>Marcheshvan</i>	Tháng 11	
Chín	<i>Chislev</i>	Tháng 12	Dâng
Mười	<i>Tebeth</i>	Tháng giêng	
Mười một	<i>Shebat</i>	Tháng 2	
Mười hai	<i>Adar</i>	Tháng 3	Phu-rim

Lễ Dâng thiết lập sau này, đương thời các anh em *Macchabées* ; còn lễ Phu-rim được thiết lập đương thời hoàng hậu Ê-xơ-tê.

Phần 2 : 4 Quyển Phúc Âm

Tính tương đồng khái quát của các sách Phúc Âm

Ba sách Phúc Âm đầu tiên (Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca) cho thấy chúng khá giống nhau về nội dung cũng như hình thức diễn đạt. Chính vì vậy, chúng được gọi là các sách phúc âm giống nhau về tổng thể, hay mang tính tương đồng khái quát (synoptique, nhìn chung giống nhau), mà theo từ Hi Lạp thì được phân tích về nghĩa như sau : « *syn* » là cùng chung với nhau, và « *optanomai* » là nhìn thấy.

Như vậy, phải giải thích thế nào về cái tính tương đồng khái quát này của ba sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca ? Phải chăng điều này xảy ra là do các trước giả Phúc âm sao chép tư liệu lẫn nhau và sử dụng cùng một nguồn thông tin dữ liệu ? Tại sao mà ba sách Phúc âm này nhìn chung giống nhau đến thế, giống đến cả từ lời nói trong rất nhiều trường hợp ?

Làm thế nào mà ba trước giả, vốn viết lách riêng biệt, lại có cùng một lối văn mô tả giống nhau đến thế ? Có nhiều lý thuyết được đưa ra để giải thích về “vấn đề tương đồng khái quát” này. Cuối cùng, người ta nghĩ rằng những điểm tương đồng khái quát kia phản ánh về xuất xứ của một nguồn hay nền tảng thông tin chung ; còn những sự khác biệt chỉ để nói lên phần nào tính độc lập của các trước giả mà thôi, chứ đây phải nói là công việc thần cảm của Đức Thánh Linh tác động trên mỗi một trước giả Phúc âm.

Sự So Sánh của Bốn Quyển Phúc Âm

	Ma-thi-ơ	Mác	Lu-ca	Giăng
được gửi đến các đọc giả :	Người Do-thái	Người La Mã	Người Hy Lạp	Cho cả thế giới
Chúa Giê-su là ...	Vị Vua	Người Tội Tớ	Con Trai của Con Người	Con Trai của Đức Chúa Trời

Phúc Âm Ma-thi-ơ (hay Tin Lành theo Thánh Ma-thi-ơ)

Các nhan đề của sách : Sách mang tên của *môn đồ* và *sứ đồ* **Ma-thi-ơ**.

« **Giê-su : Vua Cứu Thế** »
« **Sách nói về Vì Vua** »

Tác giả :

Ma-thi-ơ cũng còn được biết đến với cái tên Lê -vi (***Lu-ca. 5:27 ; Mác 2:14***).
Ma-thi-ơ có nghĩa là « ân tứ của ĐCT » và Lê-vi là « liên kết, hiệp nhất ».

Niên đại của sách : Vì trong sách không thấy đề cập chút gì đến sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem, cho nên người ta nghĩ rằng sách này không thể được biên soạn sau năm 70 SC (***Mat. 24***).

Từ then chốt : « Nước thiên đàng », được dùng 56 lần trong sách.

Từ ngữ then chốt : « Con Người », được dùng 32 lần.

Các câu KT then chốt : *Mat. 1:1 ; 5:17-18 ; 24:14*

Thông điệp trong tâm :

“... để ứng nghiệm cho những gì Chúa đã phán truyền qua các đấng tiên tri...”. Những lời tiên tri của Cựu Ước về Vì Vua Cứu Thế đã được rao ra một cách hết sức tỏ tường, nhất là về sự giáng hạ của Ngài, và sứ đồ Ma-thi-ơ đã dùng câu tuyên bố nói trên đến 12 lần để nhấn mạnh rằng các lời tiên tri ấy đang trong giai đoạn hoàn thành.

Thành phần độc giả đối tượng : Sách được viết chủ yếu dành cho thành phần độc giả người Do Thái. Sách có trích dẫn gần 60 lần các lời tiên tri về đấng Cứu Chuộc, và khoảng 40 các lời KT của Cựu Ước. Sứ mạng của Đấng Christ bên cạnh dân Do Thái đã được trình bày một cách đặc biệt rõ nét... *Mat. 10:5,6 ; 15:24*

Bố cục :

1) Phần giới thiệu hay chuẩn bị cho vì vua Cứu Thế Ch. 1:1-Ch. 4:11

- | | |
|---------------------|-------------|
| ○ Gia phả của Ngài | Ch.1:1-14 |
| ○ Ngài vào đời | Ch.1:8-2:12 |
| ○ Ngài chịu báp-tem | Ch.3:13-17 |
| ○ Ngài chịu cám dỗ | Ch.4:1-11 |

2) Chức vụ của Đấng Christ tại xứ Ga-li-lê, hay là sự trình bày về nước thiên đàng
Ch.19- Ch.28

- | | |
|---------------------------------------|-------------|
| ○ Những bài thuyết giảng của Chúa | Ch.5 - Ch.7 |
| ○ Công việc hay hành động của Chúa | Ch.8-Ch.10 |
| ○ Cảm nghĩ hay phản ứng của dân chúng | Ch.11-Ch.18 |

3) Chức vụ của Đấng Christ tại xứ Giu-đê và một số những chứng minh khác về nước thiên đàng Ch.19-Ch.28

- | | | |
|----|---|----------------|
| ○ | Sự giới thiệu Chúa như một vì vua | Ch.19-Ch.25 |
| ○ | Chúa bị đóng đinh và được đưa vào phần mộ | Ch.26 và 27 |
| ○ | Chúa sống lại cách vinh hiển | Ch.28 |
| | | |
| B. | 1) Sự ra đời của đấng minh vương | Ch.1 và 2 |
| | 2) Người dọn đường cho Vua đến | Ch.3 |
| | 3) Vua gặp thử thách | Ch.4:1-11 |
| | 4) Lời tuyên bố của Vua | Ch.4:12-25 |
| | 5) Những luật lệ của Vua | Ch.5-Ch.7 |
| | 6) Chức vụ của Vua | Ch.8-Ch.11-19 |
| | 7) Vua bị từ khước | Ch.11:20-Ch.20 |
| | 8) Vua đi vào thành | Ch.21-Ch.25 |
| | 9) Sự chết và sự sống lại của Vua Cứu Thế | Ch.26-28 |

Tóm lược lại, Ma-thi-ơ là quyển Phúc Âm của :

Ma-thi-ơ

1. Sự ứng nghiệm của các lời tiên tri của Cựu Ước
2. Vị Vua - Đấng Mê-si
3. Các Bài Giảng
4. Hội Thánh

Phúc Âm Mác (hay Tin Lành theo Thánh Mác)

Các nhan đề của sách : Sách mang tên của Giăng-MÁC (Jean MARC), một cộng sự viên của các sứ đồ.

« **Giê-su, Đầy tớ của ĐCT Chí Cao** »
« **Quyền sách về Người Đầy tớ** »

Tác giả : Trong sách Phúc Âm này không thấy nói đến tên tác giả, song việc gán cho Mác, phụ tá đặc lực của sứ đồ Phi-e-rơ, là tác giả, cũng chẳng bao giờ khiến ai phải thắc mắc nghi ngờ. Ông Mác này tức là « Giăng có biệt danh là Mác », được Tân Ước nhắc đến tám lần. Giăng là tên Do Thái của ông, còn Mác là tên La-tinh hay La-mã của ông. Mác có nghĩa là lễ phép, thông minh, sáng sủa, nhưng đồng thời cũng có nghĩa là hiếu chiến (thích gây sự, ấu đả).

Niên đại của sách : Không thể đưa ra một niên đại chính xác, tuy nhiên rất có khả năng là sách được biên soạn vào cuối những năm 50 SC.

Từ then chốt :

Từ Hy Lạp « Euthos », được dịch là « vừa khi, tức thì, ngay tức khắc ...». Ví dụ :
Mác 1:10,18,20,31 42, 43.

Từ « Euthos » xuất hiện 42 lần trong sách Mác, nhưng chỉ có 7 lần trong sách Ma-thi-ơ, và duy nhất một lần trong sách Lu-ca.

Câu KT chìa khóa : **10:45** « *Vì Con Người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người* ».

Quả thật, Ngài chính là **Đầy Tớ của Đức Chúa Trời Chí Cao**.

Sứ điệp trọng tâm :

Ông Mác trình bày Đấng Christ như là người đầy tớ..., người làm công lý tương. Ông kể lại những việc Chúa Giê-su đã làm. Phúc Âm Mác là sách phúc âm của hành động, vì trong đó có kể lại cách tận tường 19 phép lạ của Chúa Giê-su.

Các tiên tri đều có dự ngôn rằng chức vụ của đấng Mê-si là công việc của Người Đầy Tớ (Ê-sai 42:1-7; 52:13-15; 53).

Ông Mác cũng bày tỏ rằng Chúa Giê-su luôn phục tùng dưới thẩm quyền của Cha Ngài và nhanh chóng đáp ứng cũng như tuân thủ trọn vẹn các mạng lệnh của Cha.

Cũng trong tinh thần ấy, kẻ nào lấy lòng khiêm nhường đặt mình dưới bàn tay quyền phép của ĐCT, thì đến thời điểm thuận hiệp, người ấy sẽ được Ngài nhắc lên ... (I Phi-e-rơ 5:6).

Bố cục :

- | | | |
|----|----------------------------------|----------------|
| A. | 1. Sự thánh hoá của Người Đầy Tớ | Ch.1:1-13 |
| | 2. Công việc của người Đầy Tớ | Ch. 1:14-8:30 |
| | 3. Sự hi sinh của người Đầy Tớ | Ch. 8:31-15:47 |

4. Sự được nhắc lên rất cao của người Đầy Tớ Ch. 16:1-20
- B.
1. Sự ra đời và danh phận của người Đầy Tớ Ch. 1:1-11
 2. Sự trung tín của người Đầy Tớ Ch. 1:12-13
 3. Công việc của người Đầy Tớ (đặc điểm và tính chất công việc của người đầy tớ) Ch. 1:14-8:30
 4. Tinh thần Vâng phục của người đầy tớ trung tín cho đến chết Ch. 14:1-15:47
 5. Sự Phục sinh và Vinh hiển của người đầy tớ Ch. 16:1-20

Phúc Âm Lu-ca (hay Tin Lành theo Thánh Lu-ca)

Các nhan đề : Sách mang tên Lu-ca, bạn của Phao-lô.

« **Giê-su : Con Người** »

« **Quyển sách nói về con người toàn hảo** ».

Tác giả :

Lu-ca có nghĩa là “chiếu sáng”, được KT gọi là “**người thầy thuốc qui mến**” (Col. 4:14), cũng là người bạn đồng hành, đồng lao cộng tác của Sứ đồ Phao-lô "(Phi-lê-môn 1:24)

Niên đại : Có thể là vào năm 60 SC.

Từ then chốt :

« Con Người ». Từ này được dùng khoảng 145 lần, còn từ « Nước Trời » cũng xuất hiện 45 lần.

Các câu KT chìa khóa : Chương 4:18 « *Thần của Chúa ngự trên ta* » và ch.19:10 : « *Bởi Con Người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất* ».

Sứ điệp trọng tâm :

Lu-ca trình bày rõ ràng về Chúa Giê-su như là « Đáng được xúc dầu », tức là đáng sẽ đem lại sự cứu rỗi cho nhân loại, sau khi hoàn thành trọn vẹn chức vụ của mình. Phúc Âm Lu-ca nhấn mạnh về sự giáng thế làm người (hay trở thành nhục thể) của Chúa Giê-su.

Các Đặc Điểm của Phúc Âm Lu-ca

1. Lu-ca là Phúc Âm mang tính chất *lịch sử* nhất trong các Phúc Âm.
2. So sánh với tất cả các quyển Phúc Âm, Lu-ca là quyển sách *văn chương* nhất.
3. Lu-ca là Phúc Âm mang tính chất *giáo lý* nhất trong các Phúc Âm.
4. Lu-ca là Phúc Âm dài nhất trong các Phúc Âm : sau Phao-lô, Lu-ca đã viết nhiều nhất trong Tân Ước : hai cuốn sách dài
5. Lu-ca cũng là Phúc Âm của những người bị lãng quên và bỏ rơi : phụ nữ, người nghèo, trẻ em.

Bổ cục

- A.
- | | |
|--|-------------|
| 1. Sự Chuẩn bị cho/và của <i>Con Người</i> | 1:1-4:15. |
| 2. Chức vụ của <i>Con Người</i> | 4:16-21:38. |
| 3. Những sự thống khổ của <i>Con Người</i> | 22:1-23:56. |
| 4. Sự được tôn cao của <i>Con Người</i> | 24:1-53. |

- B.
1. Con Người trở nên giống như anh em mình (Hb.2:17) 1:1-3:38.

2. Con Người bị cám dỗ như chúng ta (Hb. 4:15) 4:1-13.
3. Con Người cảm thông mọi nỗi yếu đuối của chúng ta (Hb.4:15) 4:14-19:28.
4. Con Người đã cứu chuộc chúng ta : 19:29-23:56.
5. Con Người bằng xương bằng thịt ấy đã sống lại và về trời trong sự vinh hiển : 24:1-53.

- C.
1. Sự giáng sinh, tuổi thơ, và trưởng thành của Chúa Giê-su : 1:1-4:13.
 2. Chức vụ của Ngài tại xứ Ga-li-lê : 4:14-9:50.
 3. Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem : 9:51-19:44.
 4. Sự hi sinh và đắc thắng của Ngài : 19:45-24:53.

Phúc Âm Giăng (hay Tin Lành theo Thánh Giăng)

Các nhan đề của sách : Sách mang tên ông Giăng, người sứ đồ rất được quý mến.

« **Giê-su : Con ĐCT** »

« **Quyển sách nói về Con ĐCT** »

Tác giả : là Giăng (Jean), trong tiếng Hi Lạp : “Yōannēs”, và trong tiếng Hê-bơ-rơ : “yoHanan”, có nghĩa là ĐCT Chí Cao đã làm ơn, hay ban ơn.

Niên đại : Mặc dầu có người đưa ra một niên đại gần đây nhất cho sách Phúc Âm Giăng, song phần lớn những học giả Thánh Kinh đều nhất trí cho rằng sách Phúc Âm này đã được biên soạn vào hồi cuối thế kỷ 1, tức khoảng năm 90 SC.

Từ then chốt :

Cha, được dùng đến 121 lần ; Tin, từ quan trọng này được dùng 102 lần. Việc sử dụng từ Do Thái cũng là một điều khá đặc biệt với Giăng, vì ông đã dùng nó đến 60 lần, trong khi Ma-thi-ơ chỉ dùng có một lần, còn Mác và Lu-ca thì hai lần.

Các câu KT chìa khóa : Giăng 3:16 « *Vì ĐCT yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất, mà được sự sống đời đời* » ;

Giăng 1:12 « *Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái ĐCT, là ban cho những kẻ tin danh Ngài* » (cũng xem **20:21**).

Giăng là quyển sách của bảy (7) phép lạ

Trong ba mươi lăm phép lạ của Chúa Giê-su được ghi chép trong các Phúc Âm, Giăng chỉ chọn có bảy phép lạ trong Phúc Âm của ông. Sự lựa chọn liên quan đến chủ đích của ông: chứng tỏ Chúa Giê-su là Đấng Christ, Con Trai của Đức Chúa Trời. Các dấu lạ (hay các phép lạ) chứng tỏ các công việc khác nhau của quyền năng Chúa Giê-su và tất cả đều làm chứng cho thân thể và thần tánh của Chúa.

Phân đoạn	Phép lạ	Công việc và quyền năng Chúa Giê-su
1. 2 : 1-11	Chúa Giê-su đã biến nước thành rượu	trên chất lượng, phẩm chất
2. 4 : 46-54	Chúa Giê-su đã chữa lành đứa con trai một vị quan	trên khoảng cách
3. 5 : 1-9	Chúa Giê-su đã chữa lành người bại liệt	đối với thế giới của tôn giáo và tín ngưỡng
4. 6 : 1-15	Chúa Giê-su đã nuôi ăn năm ngàn người	trên số lượng
5. 6 : 16-21	Chúa Giê-su đã đi trên mặt nước	trên các định luật tự nhiên
6. 9 : 1-12	Chúa Giê-su đã chữa lành người mù bẩm sinh	trên sự thống khổ của con người
7. 11 : 1-46	Chúa Giê-su đã làm sống lại La-xa-rơ	trên sự chết

Giăng là quyển sách của bảy (7) “*Ta là ...*”

Vậy ai là Chúa Giê-su Christ ? Giăng đã trình bày Chúa với bảy (7) bức tranh thật sống động.

Phân đoạn	Sự khẳng định
6 : 35	Chính <i>Ta là</i> bánh hằng sống
8 : 12	Chính <i>Ta là</i> ánh sáng của thế giới
10 : 7	Chính <i>Ta là</i> cửa của chuồng chiên.
10 : 11-14	<i>Ta là</i> người chăn chiên nhân từ.
11 : 25	Chính <i>Ta là</i> sự sống lại và sự sống
14 : 6	<i>Ta chính là</i> Con Đường, Chân Lý và Nguồn Sống
15 : 1	Chính <i>Ta là</i> cây nho thật

Giăng là quyển sách của những gặp gỡ cá nhân

Hai mươi bảy (27) cuộc gặp gỡ nhấn mạnh về các quan hệ, tương giao giữa Chúa Giê-su và những người đã gặp Ngài. Quyển sách này cho chúng ta một bức tranh thật cân đối, quân bình về Chúa Giê-su. Đúng, Chúa là Thượng Đế, nhưng Ngài không là xa vời và không thể hiểu được, không thể đến gần được đối với con người. Chúa cũng là một Người và Chúa hiện diện ở giữa chúng ta. Bao nhiêu người đã đến gần Chúa và đã tiếp cận với Ngài : Na-tha-na-ên, Phi-e-rơ, Ni-cô-đêm, người phụ nữ Sa-ma-ri, người bại liệt, người đàn bà phạm tội ngoại tình, người mù bẩm sinh, Ma-thê, Ma-ri, Ma-ri de Ma-đơ-len, Thô-ma, vân vân ...

Sứ điệp trọng tâm : Con đường duy nhất để đến cùng Đức Chúa Cha, là thông qua Con yêu dấu của Ngài.

Không thể có sự sống vĩnh hằng bên ngoài Con ĐCT. (3:14-17)

Giê-su Christ là Con ĐCT trở thành nhục thể, hay Ngôi-Lời đã trở nên xác thịt. (1:14)

Những ai tin nhận Ngài thì có được mối quan hệ cha con với ĐCT.

Đức tin mang lại sự sống, còn sự vô tín dẫn tới sự chết. (3:18).

Bổ cục :

A.

1. Lời Mở Đầu 1:161:18
2. Chức vụ của Chúa giữa chốn công cộng 19-12:50
3. Chức vụ của Chúa nơi chốn riêng tư 13:1-17:26
4. Các nỗi thống khổ và sự chết của Chúa 8:1-19:42
5. Sự đắc thắng của Chúa trước tử thần 20:1-21:25

B

1. Giê-su, Con ĐCT, trước khi giáng thế làm người 1:1-1:14
2. Giê-su, Con ĐCT, được tỏ ra bởi các việc làm và lời nói của Ngài : 1:15-12:50
3. Giê-su Con ĐCT, tự bày tỏ cho tha nhân biết về chính mình một cách đầy trọn : 13:1-17:26
4. Giê-su, Con ĐCT, bị sát hại : 18:11-19:42
5. Giê-su, Con ĐCT, mà thần tánh của Ngài đã được xác lập bởi sự sống lại của Ngài : 20:1-21:25

C.

1. Con ĐCT : 1:1-1:18
2. Chức vụ công khai của Ngài giữa người Do Thái : 1:19-12:50
3. Chức vụ riêng tư của Ngài bên cạnh các môn đồ : 13:1-17:26
4. Sự thương khó (hay sự hi sinh) của Ngài vì cố thể giới loài người : 18:1-21:25

Phần 3 : Lịch Sử của Hội Thánh Khởi Nguyên : Công vụ các Sứ đồ

Sách Công Vụ Các Sứ Đồ

Các nhan đề : « Những Công việc của Đức Thánh Linh »
« Các Hành động và Lời Chứng »

Tác giả :

Lu-ca, người thầy thuốc rất được quý mến và là người bạn đồng hành, đồng lao cộng tác với Sứ đồ Phao-lô (Côl. 4:14).

Theo truyền thuyết nguyên thủy, thì Lu-ca là người gốc gác ở thành An-ti-ốt, xứ Si-ri, và có thể lắm ông có cơ hội tiếp cận giao lưu với giới tín đồ Cơ-đốc trong những ngày đầu tiên qua các lời làm chứng của họ tại thành phố này, là nơi thiết lập được Hội thánh đầu tiên giữa vòng dân ngoại.

Niên đại của sách : Trong thập niên 60, có lẽ trong thời gian Phao-lô bị bắt và ngồi tù lần đầu tiên tại Rô-ma (62-63)

- Lịch sử của ***sự thành lập Hội Thánh***, với cuộc đời của Chúa Giê-su ở trần gian, được tìm thấy trong các quyển phúc âm : Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca, Giăng.

- ***Sự phát triển của Hội Thánh***, lịch sử truyền giáo của Hội Thánh khởi nguyên, được tường thuật trong quyển Công Vụ Các Sứ Đồ và các tín thư của Phao -lô, trừ các tín thư mục vụ.

- ***Sự củng cố của Hội Thánh***, hay là sự xây dựng Hội Thánh, bắt đầu vào năm 60 của Công Nguyên và chấm dứt vào năm 96 của Công Nguyên. Chúng ta có thể định vị thời kỳ này với các biến cố khác nhau được tìm thấy trong các tín thư của Phao-lô, và các tín thư của Giăng, Phi-e-rơ và Giu-đe.

Các từ then chốt :

- ✓ Đức Thánh Linh : được nhắc tới gần 70 lần.
- ✓ Lời Đức Chúa Trời : được dùng khoảng 40 lần.
- ✓ Lời Làm Chứng (Lời Chứng) : xuất hiện trên 30 lần.

Câu KT chìa khóa : **Công vụ. 1:8** « *Nhưng khi ĐTL giảng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất .* »

Công vụ. 1-2
Công vụ. 8
Công vụ. 8:4
Công vụ. 10 và 19
Công vụ. 13 ... v...v

Giê-ru-sa-lem
xứ Giu-đê
xứ Sa-ma-ri
(Dân ngoại)
đến tận cùng trái đất

Sứ điệp trọng tâm :

Hội Thánh, tức thân thể Đấng Christ, không thể hoạt động nếu không có chức năng hành động của Đức Thánh Linh. Thật vậy, Thánh Linh chính là nguồn sức mạnh khả dĩ giúp hoàn thành Đại Mạng Lệnh của Chúa.

Bố cục :

A.

Phần 1. Ch. 1:1-12:25.

- ✓ Giê-ru-sa-lem....trung tâm truyền giảng Phúc Âm
- ✓ Phi-e-rơ ... nhân vật chính
- ✓ Tin Lành (hay Phúc Âm)....được rao truyền tại Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê và Sa-ma-ri.
- ✓ Phi-e-rơ ở tù.

Phần 2. Ch 13:1-28:31

- ✓ An-ti-ốt ... trung tâm truyền giảng Phúc Âm
- ✓ Phao-lô ... nhân vật chính
- ✓ Phúc Âm (hay Tin Lành) ...được rao giảng khắp nơi cho tới đầu cùng trái đất.
- ✓ Phao-lô ngồi tù

B.

- | | |
|---|------------|
| 1. Quyền phép để làm chứng : | 1:1-2:47 |
| 2. Làm chứng tại thành Giê-ru-sa-lem : | 3:1-8:3 |
| 3. Làm chứng tại xứ Giu-đê và xứ Sa-ma-ri : | 8:4-12:25 |
| 4. Làm chứng đến khắp đầu cùng đất : | 13:1-28:31 |

C.

- | | |
|---|-------------|
| 1. Hội Thánh được thành lập 1:1-2:47 | |
| a- Lời hứa của CHA 1:1-2:47 | |
| b- Lời chứng của các sứ đồ 1:12-26 | |
| c- Sự nhận biết về Hội Thánh và quyền năng tràn đầy của Hội Thánh 2:1-42 | |
| d- Tập trung và phân phát tài sản cho nhau trong tinh thần cộng đồng sinh tồn 2:43 - 47 | |
| 2. Công việc thực hiện tại Giê-ru-sa-lem : | |
| a- Bệnh tật được chữa lành | 3:1-8:3 |
| b- Hoạn nạn và chiến thắng | 4:32-5:42 |
| c- Bảy người được lựa chọn để phục vụ | 6:1-7 |
| d- Sự tử đạo của Ê-tiên | 6:8-8:31 |
| 3. Công việc thực hiện tại xứ Sa-ma-ri và Giu-đê | 8:4-11:18 |
| a- Các lời thuyết giảng của Phi-líp | 8:4-11:18 |
| b- Sau-lơ trở lại đạo | 9:1-31 |
| c- Hoạt động của Phi-e-rơ được mở rộng | 9:32-11:18 |
| 4. An-ti-ốt – một trung tâm mới | 11:19-18:22 |
| a- Tin Lành tới An-ti-ốt | 11:19-30 |
| b- Phi-e-rơ được giải cứu | 12:1-24 |

- | | |
|---|-------------|
| c- Cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhất của Phao-lô | 12:25-14:28 |
| d- Giáo nghị hội tại Giê-ru-sa-lem | 15:1-35 |
| e- Cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhì của Phao-lô | 15:36-18:22 |
|
 | |
| 5. E-phê-sô-một trung tâm mới | 18:23-20:38 |
| a- Một lễ báp-tem tuyệt vời | 18:23-19:7 |
| b- Một sự Thức Tỉnh thuộc linh | 19:8-20:1 |
| c- Giả từ Ê-phê-sô | 20:2-38 |
|
 | |
| 6. Lên đường hướng về thành La-mã | 21:1-28:31 |
| a- Phao-lô bị bắt | 21:1-23:35 |
| b- Kêu nài đến Sê-sa | 24:1-26:32 |
| c- Cuộc hành trình đến La-mã (hay Rô-ma) | 27:1-28:15 |
| d- Bị tù song khá được tự do | 28:16-31 |

Phần 4 : 13 tín thư của Phao-lô

Sự giao thông liên lạc giữa các hội thánh được thực hiện thông qua những bức thư, và đó cũng là phương cách mà Đức Chúa Trời giao thông liên lạc với Hội thánh của Ngài.

Ngài dùng một người được thần cảm bởi Thánh Linh để viết một bức thư cho một hội thánh hay cho một người nào đó. Sau khi đã được mang ra đọc trong hội thánh A, thì bức thư liền được chuyển tới hội thánh B, và cứ thế mà chuyển tới các hội thánh tiếp theo. Đó là cách mà những bức tín thư của sứ đồ Phao -lô đã được lưu hành...

Những bức tín thư này có tầm quan trọng đặc biệt, vì hai lý do sau đây :

- 1/ Cơ-đốc giáo là tôn giáo duy nhất được giảng dạy qua những tín thư.
- 2/ Nội dung các tín thư gồm có phần giáo huấn về Đức Chúa Trời kết hợp với những sự dạy dỗ về nếp sống hay đường lối hành xử của Cơ-đốc nhân.

Các lá thư hay các bức tín thư nói chung có 5 đặc điểm sau đây :

- ✓ **Phần Mở đầu**
- ✓ **Địa chỉ nơi nhận, người nhận**
- ✓ **Lời chào thăm**
- ✓ **Các chủ đề được nói tới**
- ✓ **Kết thúc bức tín thư**

Tín thư gửi cho tín đồ Rô-ma (Thư Rô-ma)

Các nhan đề của sách : « Tin Lành theo Phao-lô »
« Quyền sách nói về sự Xung Công Nghĩa »

Tác giả : Tác giả của sách này là sứ đồ Phao -lô, người được coi là sứ đồ của dân ngoại. Trước kia tên ông là Sau-lơ (Công Vụ. 7:58), có nghĩa là « được yêu cầu ». Còn tên Phao-lô (Paul) có nghĩa là « nhỏ bé ».

Niên đại của sách:

Phao-lô viết tín thư này cho anh em tín hữu thành Rô-ma trong thời gian cuộc hành trình truyền giáo lần thứ ba của ông, tức vào năm 57 SC. Chính Gai-út là người tiếp nước Phao -lô, khi ông viết tín thư này (Rôm. 16:23).

Các từ then chốt :

Luật Pháp, từ này được tín thư dùng đến 78 lần ; Sự Công Bình, 43 lần ; Sự Xung Công Nghĩa, 23 lần ; Đức Tin, 39 lần và Tin, 24 lần.

Các câu KT chìa khóa :

Rô-ma 1:16-17 « *Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Tin Lành đâu, vì là quyền phép của ĐCT để cứu mọi kẻ tin, trước là người Giu-đã, sau là người Gô-réc ; vì trong Tin Lành này có bày tỏ sự công bình của ĐCT, bởi đức tin mà được, lại dẫn đến đức tin nữa, như có chép rằng : «Người công bình sẽ sống bởi đức tin ».*

Tín thư Rô-ma đã giúp biến đổi được đời sống những nhân vật lớn của Đức Chúa Trời và đồng thời còn là nền tảng của nhiều cơn phẫn hưng tôn giáo.

Thánh Augustin¹⁶ (Saint Augustin d’Hippone) tin Chúa năm 386 SC nhờ đọc tín thư *Rô-ma 13 :13-14*

Jean Chrysostome¹⁷ (349-407) có thói quen đọc tín thư Rô-ma hai lần mỗi tuần.

Nhờ đọc tín thư Rô-ma mà cuộc đời của **Martin Luther** được biến đổi vào năm 1513 SC, khi ông đối chiếu *Thi. 31 :1* với *Rôm. 1 :17* (xin tham chiếu *Hab. 2 :4*). Martin Luther tuyên bố : « *Đây là cuốn sách quan trọng nhất của Tân Ước, và là Tin lành trong sáng nhất. Không thể đọc hay nghiên cứu hết cuốn sách này. Càng nghiên cứu, càng thấy cuốn sách thật quý báu và ngọt ngào.* » Ông nói thêm : « *Đây là cuốn sách quan trọng bậc nhất của Tân Ước, xứng đáng được mỗi tín đồ ghi nhớ nằm lòng.* »

Philipp Melanchthon¹⁸ (1497-1560), người bạn của Martin Luther, ông đã tự tay viết lại hai lần bức tín thư Rô-ma, chủ yếu là để am hiểu tường tận bức tín thư này.

John Wesley¹⁹ trở lại tin Chúa vào buổi tối ngày 24 tháng Năm, 1738, sau khi được nghe bài giảng của Martin Luther trình bày về tín thư Rô-ma.

Frédéric Godet²⁰ gọi tín thư Rô-ma là : « *Đại thánh đường của niềm tin* » và « *Đại tín thư của Thần học.* »

Người ta không biết ai đã sáng lập Hội thánh Rô-ma. Về vấn đề này, có nhiều giả thiết khác nhau được đưa ra.

1. *Những người Do Thái đến từ thành Rô-ma*
2. *Giáo hội Công Giáo cho rằng Hội thánh Rô-ma được thành lập do sứ đồ Phi-e-rô*
3. *Rô-ma là thủ phủ của đế quốc La mã,*

Sứ điệp trọng tâm :

- a. Người công bình sẽ sống bởi đức tin.
- b. Mọi người đều đã phạm tội và không một ai có thể nhờ công việc hay công quả của luật pháp mà được xưng công bình trước mặt ĐCT.
- c. Sự công bình duy nhất được ĐCT chấp nhận, đó là sự công bình bởi đức tin dựa trên Lời của Ngài.
- d. Dân Do Thái cũng như dân ngoại đều được ĐCT chấp nhận nhờ giao ước mới trong Christ Giê-su.

¹⁶ http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Augustin%C3%B4

¹⁷ http://vi.wikipedia.org/wiki/Gioan_Kim_Kh%C3%A91%BA%A9u

¹⁸ http://en.wikipedia.org/wiki/Philipp_Melanchthon

¹⁹ http://vi.wikipedia.org/wiki/John_Wesley

²⁰ http://en.wikipedia.org/wiki/Fr%C3%A9d%C3%A9ric_Louis_Godet

Bố cục :**A**

1. Về giáo lý- Sự công bình được hứa ban : ch. 1-8
2. Về thành phần dân tộc-Do Thái và dân ngoại ch. 9-11
3. Về yêu cầu thực hành - Thực hành sự công bình : ch. 12-16

B.

1. Tin Lành đem lại sự cứu rỗi như thế nào ? ch. 1-8
2. Tin Lành can hệ với dân Y-sơ-ra-ên như thế nào ? ch. 9-11
3. Tin Lành tác động và ảnh hưởng đến nếp sống cũng như thái độ sống của chúng ta như thế nào ? ch. 12-16

C.

1. Triển khai giáo lý về những gì ĐCT đã làm cho chúng ta ch. 1-8
 - a. Sự cần thiết của việc được xưng công bình : 1:1-3:20
 - b. Trình bày về sự được xưng công bình : 3:21-5:21
 - c. Các kết quả của sự được xưng công bình : 6:1-8:39
2. Hàng ngày, hãy ứng dụng vào thực tế những gì mà ĐCT đã làm trong đời sống chúng ta : ch. 9-16
 - a. Phải sống nếp sống Cơ-đốc như thế nào ? 9:1-11:36
 - b. Phải phục vụ Chúa như thế nào ? 12:1-16:27

D.

1. Sự xưng công bình bởi đức tin được bày tỏ qua Tin Lành : 1:1-1:17
2. Sự xưng công bình bởi đức tin là một nhu cầu của toàn thể nhân loại : 1:18-3:20
3. Chúng ta được xưng công bình như thế nào ? 3:21-31
4. Sự xưng công bình bởi đức tin không phải là một giáo lý mới : 4:1-25
5. Những phước hạnh trong sự được xưng công bình : 5:1-21
6. Được xưng công bình bởi đức tin và vấn đề tội lỗi : 6:1-23
7. Những cuộc chiến đấu và những tiếng thở than rên siết của những người công bình : 7:1-25
8. Sự tự do và các ân huệ dành cho những kẻ công bình : 8:1-39
9. Sự xưng công bình và người Do Thái không tin kính Chúa : 9:1-11:36
10. Các bổn phận và trách nhiệm của những kẻ đã được xưng công bình : 12:1-16:27

Tín thư #1 gửi cho tín hữu Cô-rinh-tô (hay sách I Cô-rinh-tô)

Các nhan đề của sách :

- « Quyền sách về sự kiểm điểm »
- « Quyền sách về sự chỉnh đốn trật tự nội bộ »
- « Quyền sách nói về Hội Thánh thời Tân Ước »
- « Quyền sách nói về kỷ luật »

Tác giả : Tác giả của tín thư này là Phao-lô, vị sứ đồ của Dân ngoại (1:1 và 2).

Niên đại :

Có thể tín thư này đã được viết vào những năm 55 -57 SC, trong thời gian Phao-lô lưu lại ở Ê-phê-sô.

Các từ then chốt :

- ✓ thân thể - được dùng 44 lần
- ✓ tâm thần - được dùng 35 lần
- ✓ khôn ngoan – sự khôn ngoan – càng thêm khôn ngoan, được dùng 31 lần.

Các câu KT chìa khoá :

1:24 « song le, về những người được gọi, bất luận người Giu-đa hay người Gờ-réc, thì Đấng Christ là quyền phép của ĐCT và sự khôn ngoan của ĐCT ».

1:30 « Vả, ấy là nhờ Ngài mà anh em ở trong Đức Chúa Giê-su Christ, là Đấng mà ĐCT đã làm nên sự khôn ngoan, sự công bình, sự nên thánh, và sự cứu chuộc cho chúng ta...».

3:10,11 « Theo ơn ĐCT ban cho tôi, tôi đã lập nền như một tay thợ khéo, mà có kẻ khác cất lên trên ; nhưng ai nấy phải cẩn thận về sự mình xây trên nền đó. Vì, chẳng ai có thể lập một nền khác ngoài nền đã lập, là Đức Chúa Giê-su Christ ».

Sứ điệp trọng tâm hay sự dạy dỗ thuộc linh chính yếu :

Sách I Cô-rinh-tô tường thuật lại cuộc tranh chấp xảy ra giữa kinh nghiệm sống của Cơ-đốc giáo và các quan niệm cũng như nếp sống thực hành của dân ngoại. Một số các vấn đề được sứ đồ Phao-lô nêu ra hồi thời đó, xét thấy cũng vẫn còn tồn tại trong thời đại chúng ta ngày hôm nay. Tín thư trình bày về giáo lý thập tự giá và những ứng dụng của giáo lý này trên bình diện xã hội.

Bố cục :

A.

I. Lời mở đầu, 1:1-9

II. Trả lời báo cáo của Cơ-lô-e, 1:10-6:20

III. Trả lời thư Hội Thánh Cô-rinh-tô, 7:1-16:9

IV. Kết luận 16:10-24

B.

1:1-9	Lời chào và cảm tạ
1:10-4:21	Sự chia rẽ nội bộ và ý niệm sai lầm về bản chất của người lãnh đạo hội thánh.
Ch. 5 và 6	Nếp sống đạo đức của tín hữu.
Ch. 7	Vấn đề gia đình và hôn nhân.
Vấn đề ăn đồ cúng các thần tượng.	
11:2-34	Những vấn đề trong sự thờ phượng.
Ch. 12,14	Ân tứ Thánh Linh
Ch. 13	Cách sống tốt đẹp nhất của tín hữu
Ch. 15	Sự sống lại của tín hữu
16:13-18	Lời khuyên và chào.

Tín thư # 2 gửi cho tín hữu Cô-rinh-tô (hay sách II Cô-rinh-tô)

Các nhan đề của sách :

- « Quyền sách về sự an ủi »
 « Quyền sách về các phẩm chất của người sứ đồ »

Tác giả : Phao-lô, người có biệt danh là vị sứ đồ của dân ngoại.

Niên đại của sách : Có thể là vào năm 57 hay 58 SC.

Các từ then chốt :

- ✓ Sự vinh hiển hay sự khoe mình – được dùng 33 lần.
- ✓ Sự an ủi (danh từ), an ủi, ủy lạo (động từ) – được dùng 29 lần.

Các câu KT chìa khóa :

1:3-4 « Chúc tạ ĐCT, Cha Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta, là Cha hay thương xót, là ĐCT ban mọi sự yên ủi, Ngài yên ủi chúng tôi trong mọi sự khốn nạn, hầu cho nhân sự yên ủi mà Ngài đã yên ủi chúng tôi, thì chúng tôi cũng có thể yên ủi kẻ khác trong sự khốn nạn nào họ gặp ».

Sứ điệp trọng tâm :

Đề tài được nêu ra là “chức vụ của người tín đồ Đấng Christ”. Tín thư trình bày thế nào sứ đồ Phao-lô đã tranh luận để bênh vực cho quan điểm và chức vụ của mình. Phao-lô đã phải tranh đấu không chỉ để chống lại tình trạng thuộc linh trì trệ hay dậm chân tại chỗ và những ảnh hưởng tác hại của tà thuyết, tà giáo, mà còn chống lại cả hành vi độc hại của các phần tử lãnh đạo vốn tự xưng là sứ đồ, song kỳ thật đầy dẫy sự đố kỵ và “thành kiến”,

Bố cục :

A

Chức vụ giảng hòa	ch. 1-7
Chức vụ san sẻ, ban phát	ch. 8-9
Chức vụ bênh vực (hay minh oan) cho Lẽ Thật	ch. 10-13

B

Diễn giải	ch. 1-7
Khích lệ, động viên	ch. 8-9
Bênh vực, minh oan	ch. 10-13

Tín thư Ga-la-ti

Nhan đề : « Quyển sách về sự tự do của tín đồ Đấng Christ (tức Cơ-đốc nhân) »

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô .

Niên đại của sách : Tín thư này có thể đã được viết giữa khoảng các năm 49 đến 55 SC , từ An-ti-ốt, nghĩa là vào cuối cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhất hoặc vào đầu cuộc hành trình truyền giáo lần thứ hai của sứ đồ Phao-lô.

Các nhà chú giải Thánh Kinh đưa ra hai khuynh hướng nhận xét khác nhau về việc có phải sứ đồ Phao-lô gửi bức tín thư này cho các hội thánh ở :

1/ khu vực Ga-la-ti : được biết dưới cái tên là « *giáo thuyết của Ga-la-ti miền Bắc* » ;
Hay là

2/ tỉnh Ga-la-ti : được biết dưới cái tên là « *giáo thuyết của Ga-la-ti miền Nam* ».

Phao-lô viết bức tín thư này cho các hội thánh trong miền Nam của tỉnh Ga -la-ti : An-ti-ốt, Lít-tơ, Đet-bơ, những hội thánh được thành lập nhân chuyến đi truyền giáo lần thứ nhất của ông (Công vụ. 13 và 14). Sứ đồ Phao-lô kết thúc chuyến đi truyền giáo lần thứ nhất vào khoảng năm 48 SC. Tín thư Ga-la-ti chắc là được viết tại thành An -ti-ốt xứ Sy-ri giữa những năm 48 và 49 SC.

Các từ then chốt :

Luật Pháp- được dùng 32 lần ;
Đức Tin, được dùng 22 lần.

Các câu KT chìa khóa : **Ga-la-ti 3:2-3** « *Tôi chỉ hỏi anh em một câu này : Ay là cậy các việc luật pháp hay là bởi nghe và tin mà anh em đã nhận được Đức Thánh Linh ? Sao anh em ngu muội dường ấy ? Sau khi đã khởi sự nhờ Đức Thánh Linh, nay sao lại cậy xác thịt mà làm cho trọn ?* ».

Luther đặc biệt yêu mến tín thư Ga-la-ti.

Bức tín thư gửi cho tín hữu Hội thánh Ga -la-ti đã đóng một vai trò quan trọng theo dòng lịch sử, đặc biệt là trong thời thánh Augustin và trong thời kỳ có Phong trào Cải Chánh. Tín thư này coi như ngắn vì chỉ gồm có 6 chương.

Bố cục :

A.

Phần mở đầu	1:1-10
Tâm sự riêng tư - Một lời làm chứng	1:11-2:21
Giáo lý - Sự xưng công bình bởi đức tin	3:1-4:31
Thực hành – Sự tự do trong Christ	5:1-6:18

B.

Những lời tâm huyết – Tin Lành theo Thánh Phao-lô	1 và 2
Giáo lý- Luật Pháp hay An Điền	3 và 4
Thực Hành – Tự do hay buông thả	5 và 6

Sứ điệp truyền đạt :

- a. Sự tự do đích thực trong Christ không nằm ở sự tôn trọng hay tuân thủ Luật pháp, cũng chẳng nằm ở sự buông thả của xác thịt.
- b. Sự Sống và Sự Công bình chỉ được ban cho chúng ta qua ân điển và bởi đức tin mà thôi..
- c. Một khi đã khởi hành bởi Đức Thánh Linh, thì chúng ta cũng cần phải bước đi trong Đức Thánh Linh.

Tín thư gửi cho Hội Thánh Ê-phê-sô (tín thư Ê-phê-sô)

Các nhan đề của sách : « Quyển sách nói về Thân Thể của Đấng Christ »
« Quyển sách nói về Hội Thánh »

Tác giả : Phao-lô (Êph. 1:1)

Niên đại của sách : Tín thư này được viết trong thời gian sứ đồ Phao-lô bị giam cầm tại La-mã, giữa khoảng từ các năm 60 đến 64 SC.

Những từ then chốt :

Sách này rất phong phú về những từ then chốt, như :

- ✓ Trong Đức Chúa Giê-su Christ (1:1,6,7,11,13;2:6,10,13,21;4:21)
- ✓ Bước đi (2:2,10;4:1,17;5:2,8,15)
- ✓ Đồng, Cùng nhau (1:10;2:5,6,21)
- ✓ Theo, Tùy theo (1:5,9,11,19;2:2;3:7,11,16,20)
- ✓ Ở các nơi trên trời (1:3,20;2:6;3:10)
- ✓ Sự Giàu có (1:7,18;2:7;3:8 et 16)
- ✓ Tình Yêu thương (1:4;3:17;4:2,15,16;5:2)

Tín thư Ê-phê-sô có đưa ra ba hình ảnh rõ ràng về Hội Thánh, như sau :

- ✓ Đèn thờ (2:21-22)
- ✓ Thân thể (1:22-23;4:15)
- ✓ Người vợ (5:25-32).

Các câu KT chìa khóa :

Êph. 1:22-23 « Ngài đã bắt muôn vật phục dưới chân Đấng Christ, và ban cho Đấng Christ làm đầu Hội Thánh, Hội Thánh là thân thể của Đấng Christ, tức là sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi ».

Êph. 5:25 « Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, phò chính mình vì Hội Thánh ».

Bố cục :

A.

1. Lời Chào thăm 1:1-2
2. Nhờ hành động của tình yêu thương, ĐCT xuống phước trên toàn thể Hội Thánh 1:3 -14
3. Hành động của tình yêu thương giúp phát triển và củng cố đức tin của những kẻ nghe Lời Chúa 1:15-23
4. Quan hệ của họ với Đấng Christ (trong tư cách những tội nhân) 2:1-10
5. Quan hệ của họ với người Do Thái (trong tư cách dân ngoại) 2:11 -22
6. Sự Mâu nhiệm của Tin Lành 3:1-21
7. Sự hiệp một trong Thánh Linh 4:1 - 16
8. Các phương diện đạo đức tinh thần của đời sống Cơ -đốc 4:17-5:21
9. Những mối quan hệ Cơ -đốc trong gia đình 5:22-6:9
10. Trận chiến thuộc linh (hay Cuộc Linh chiến) 6:10-20
11. Phần Kết luận 6:21-24

B.

1. Giáo lý : Sự kêu gọi từ trên 1-3
2. Thực Hành : Cuộc sống trên đất 4-6

Sứ điệp :

A. Cơ-đốc nhân, với tư cách là chi thể của Thân Thể Đấng Christ, được ngồi ở các nơi trên trời trong Christ Giê-su, tuy nhiên vẫn phải bước đi giữa cuộc đời trần gian để thực hành nếp sống của tình yêu thương.

B. Hội Thánh là một thể hiện tạm thời về dự tính đời đời của ĐCT trong Christ Giê-su.

Tín thư gửi cho tín hữu thành Phi-líp (Sách hay Thư Phi-líp, tên quen gọi)

Nhan đề : « **Quyển sách của sự vui mừng, hân hoan** »

Hội thánh Phi-líp là hội thánh đầu tiên được thiết lập tại châu Âu, và Đức Chúa Trời muốn rằng hội thánh này phải được xây dựng trên quyền năng của Ngài, vì hội thánh này có nhiệm vụ trọng đại cần phải hoàn thành trong khu vực mới này của thế giới.

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô (1:1).

Niên đại của sách : Phao-lô viết tín thư này trong chốn lao tù (1:12). Nếu đây là thời gian ông ngồi tù vì danh Chúa tại La-mã (Rô-ma), thì tín thư này hẳn đã ra đời vào những năm 61 -63 SC. Tuy nhiên, các điều kiện giam cầm được mô tả ở đây có phần khắc nghiệt hơn nhiều so với những gì mô tả trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ ; có thể sắp đến ngày Phao-lô bị đưa ra xét xử, và có lẽ sự qua đời của ông đã tới gần kề.

Các từ then chốt :

Sự Vui mừng và Hãy vui mừng ! ... được dùng cả thảy 18 lần.
Tinh thần (tinh cảm), được dùng 10 lần.

Các câu KT chìa khóa :

Phil. 2:2 « ...thì anh em hãy hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm, đồng tư tưởng mà làm cho tôi vui mừng trọn vẹn ».

Phil. 4:4 « Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn ; tôi lại còn nói nữa, hãy vui mừng đi !»

Sứ điệp trọng tâm:

Sự vui mừng của Chúa là sức lực của chúng ta. Chúa muốn chúng ta hãy vui mừng trong Ngài, bởi vì sự vui mừng giúp xóa tan mọi mối bất hoà hay chia rẽ. Một chủ đề thứ yếu của tín thư là sự hiệp một của Hội Thánh. Thật là khó mà tìm được sự vui mừng trong Chúa một khi chúng ta vẫn còn mang trong lòng mối bất hoà với anh em mình. Sự vui mừng giữa một nhóm tín hữu là một yếu tố tốt cho sự hiệp một. Vậy thì, xin anh em hãy vui mừng lên đi !

Bố cục :

A.

- | | |
|---------------------------------|-------|
| 1. Niềm vui trong cuộc sống | ch. 1 |
| 2. Niềm vui trong phục vụ | 2 |
| 3. Niềm vui trong sự thông công | 3 |
| 4. Niềm vui trong sự đền bù | 4 |

B.

- | | |
|--|---------|
| 1. Những lời chào thăm chân tình | 1:1-2 |
| 2. Công việc nhân đức và sự cầu nguyện | 1:3-11 |
| 3. Tình hình tại Rô-ma | 1:12-26 |

- | | |
|---|----------|
| 4. Cổ xúy cho sự hiệp nhất | 1:27-2:4 |
| 5. Gương mẫu của Đấng Christ | 2:5-18 |
| 6. Về những chuyến đi thăm sắp tới của sứ đồ Phao-lô | 2:19-30 |
| 7. Khuyên phải đề cao cảnh giác đ ối với các giáo sư giả ngụy | 3:1-21 |
| 8. Ba lời khích lệ cuối cùng | 4:1-9 |
| 9. Biết ơn về những sự cống hiến | 4:10-20 |
| 10. Những lời chào thăm lần cuối | 4:21-23 |

C.

- | | |
|---|-------|
| - | |
| 1. CHRIST , là chủ cuộc đời chúng ta | Ch 1. |
| 2. CHRIST , là gương mẫu cho chúng ta | 2. |
| 3. CHRIST , là mục đích theo đuổi của chúng ta | 3. |
| 4. CHRIST , là sức mạnh của chúng ta | 4. |

Tín thư gửi cho tín hữu HT Cô-lô-se (Thư Cô-lô-se)

Các nhan đề của sách :

- « **Quyển sách nói về cái đầu (tức phần đầu não) của thân thể** »
 « **Sự đầy trọn trong Christ Giê-su** »

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô (ch.1 :1-2)

Niên đại : giữa khoảng các năm 60 và 62 SC.

Các từ then chốt :

- ✓ Thân thể - được dùng 8 lần
- ✓ Sự Khôn ngoan -được dùng 6 lần
- ✓ Sự Mầu nhiệm - được dùng 4 lần.

Các câu KT chìa khoá :

Col 1:18 « *Ay cũng chính Ngài là đầu của thân thể, tức là đầu Hội Thánh. Ngài là ban đầu, sanh trước nhất từ trong những kẻ chết, hầu cho trong mọi vật, Ngài đứng hàng đầu* ».

Col. 2:9 « *Vì sự đầy đầy của bốn tánh ĐCT thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình* ».

Sứ điệp trọng tâm : Lời công bố của Phao-lô về Đấng Christ và công việc của Ngài trong tín thư Cô-lô-se là một trong những tuyên ngôn sâu sắc nhất của Tân Ước. «*Vì sự đầy đầy của bốn tánh ĐCT (hay bốn tánh thiên thượng) thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình* » (2:9). Trong công cuộc sáng tạo, cứu chuộc, cũng như trong Hội Thánh và đời sống riêng tư, thì Đấng Christ phải luôn đứng ở hàng đầu. Trong tín thư này, sứ đồ Phao -lô trình bày Đấng Christ là **đấng đứng đầu** hay là **đấng lãnh đạo của Hội Thánh (Christ, le chef de l'Eglise)** (1:18).

Bố cục (hay Dàn bài) :

A.

1. Giáo lý : « *để anh em được đầy trọn...* » 1 - 2
2. Thực hành : «*Hãy tìm các sự ở trên trời* » 3 - 4

B.

1. Cái Đầu hay phần Đầu não của Thân thể Đấng Christ 1 -2
2. Sự sống của Thân thể Đấng Christ 3 -4

C.

1. Những lời chào thăm và các hành động của tình yêu thương (các nghĩa cử nhân đức) 1:1-8
2. Cầu nguyện cho bước tiến thuộc linh của anh em tín hữu 1:9-14
3. Mọi quan hệ của Đấng Christ với ĐCT, vũ trụ vạn vật, và với Hội Thánh 1:15-19
4. Công việc giảng hoà của Đấng Christ 1:20-23
5. Phần đóng góp của Phao-lô trong sự rao truyền về công việc giảng hoà này 1:24-3:3

6. Cảnh giác trước những giáo huấn lầm lạc và các luận điệu kích bác lẽ thật 2:4-23
7. Đời sống mới và Đời sống cũ 3:1-11
8. Các trang phục & trang sức thánh 3:12-17
9. Các bổn phận đối với gia đình 3:18-4:1
10. Động viên tín đồ siêng năng Cầu nguyện, tìm kiếm Sự Khôn ngoan, và Thận trọng trong Lời ăn tiếng nói 4:2-6
11. Những sự giới thiệu, gửi gắm và các lời thăm hỏi ân cần 4:7-18

Tín thư #1 gửi cho tín hữu HT Tê-sa-lô-ni-ca (sách I Tê-s.)

Các nhan đề của sách :

- « Sự đăng quang của Đấng Christ : nguồn yên ủi của chúng ta »
 « Ngày Chúa trở lại »

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô (1 Tê-s. 1:1).

Niên đại : Giữa các năm 50 và 53 SC.

Các từ then chốt : Đức tin, Tin tưởng, được dùng khoảng hơn chục lần ; Sự Vui mừng, Vui mừng, được dùng 7 lần ; và Tình Yêu thương, được nhắc đến 6 lần.

Các câu KT chìa khoá :

1 Tê-s. 2:19 « Vì sự trông cậy, vui mừng, và mآo triều thiên vinh hiển của chúng tôi là gì, há chẳng phải là anh em cũng được đứng trước mặt Đức Chúa Giê-su chúng ta trong khi Ngài đến sao ? »

1 Tê-s. 5:23b « ... Nguyên xin chính ĐCT bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn, và nguyên xin tâm thần, linh hồn, và thân thể của anh em đều được giữa vẹn, không chỗ trách được, khi Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta đến ».

Sứ điệp :

Khen ngợi một hội chúng có niềm tin vững vàng, với tinh thần yêu mến phục vụ Chúa cách thiết tha, và lòng mong đợi sắt son về ngày Đấng Christ tái lâm.

Bố cục :

A.

- | | |
|--------------------------------------|-----------|
| 1. Hội Thánh trong thời gian chờ đợi | Ch 1 và 3 |
| ✓ Được tuyển chọn | 1 |
| ✓ Bị bắt bớ, ngược đãi | 2 |
| ✓ Chịu nhiều đau đớn | 3 |
| 2. Sự Đăng quang của Đấng Christ | Ch. 4-5 |
| ✓ Sự mặc khải hay thần khải | 4 |
| ✓ Sự nên thánh | 5 |

B.

- | | |
|---|---------|
| 1. Trung tín đợi chờ ngày Christ trở lại | ch. 1 |
| 2. Tận trung phục vụ trước ngày Christ trở lại | ch.2 |
| 3. Giữ mình thanh sạch để chờ ngày Christ trở lại | ch. 3-4 |
| 4. Sự yên ủi trong niềm mong đợi ngày Christ trở lại | ch. 4 |
| 5. Nêu cao cảnh giác trong khi chờ đợi ngày Đấng Christ trở lại | ch. 5 |

Tín thư #2 gửi cho tín hữu HT Tê-sa-lô-ni-ca (Thơ II Tê-s.)

Các nhan đề của sách :

« Sự Đấng quang (hay hiện ra) của Đấng Christ, Đấng Phán xét chúng ta »

« Đắc thắng giữa hoạn nạn, thử thách »

« Ngày Chúa trở lại với dân sự Ngài »

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô (II Tê-s 1:1).

Niên đại : Tín thư được viết vào các năm 51-52, thời gian Phao-lô lưu lại ở thành Cô-rinh-tô, trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhì của ông (Công Vụ.18).

Các từ chìa khoá : Đức tin và Tin tưởng hay Tin cậy, được dùng 7 lần ; Tình yêu Tận hiến (Agape), được dùng 5 lần.

Các câu KT then chốt :

II Tê-s. 1:7-8 « và cho anh em, là kẻ chịu khổ, được nghỉ ngơi với chúng tôi, trong khi Đức Chúa Giê-su từ trời hiện đến với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hùng, báo thù những kẻ chẳng hề nhận biết ĐCT, và không vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Giê -su Christ chúng ta »

II Tê-s. 2:15 « Hỡi anh em, vậy thì hãy đứng vững, hãy vâng giữ những điều dạy dỗ mà chúng tôi đã truyền cho anh em, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng thơ từ của chúng tôi ».

Sứ điệp : Phao-lô trở lại với đề tài **ngày tái lâm của Đức Chúa Giê -su Christ** và các phương diện ý nghĩa của sự kiện trọng đại này đối với Hội Thánh nói chung, cũng như với cá nhân mỗi tín hữu, nói riêng.

Bố cục :

A.

- | | |
|---|-------|
| 1. Sự báo trả của Đấng Christ | ch. 1 |
| 2. Sự rù quên của anti-Christ, tức Christ giả | ch. 2 |
| 3. Hội Thánh vào cuộc | ch. 3 |

B.

1. Những hoạn nạn và Ngày Trở lại của Đấng Christ 1-7
2. Những kẻ không tin và Ngày Trở Lại của Đấng Christ 1:7-12
3. Những dấu hiệu báo trước về Ngày Trở Lại của Đấng Christ 2:1-12
4. Chức vụ hầu việc Chúa và Ngày Trở Lại của Đấng Christ 2:13-3:18

C.

1. Ngày Chúa Trở lại, một nguồn yên ủi cho những kẻ bị bắt bớ 1:1-7
2. Ngày Chúa Trở lại , một sự khùng khiếp cho những kẻ chẳng tin 1:1:7-12
3. Ngày Chúa Trở Lại sẽ giúp con dân Ngài hiểu biết những sự mầu nhiệm và chứng kiến sự đổ nát của « con người tội lỗi » 2:1-12
4. Sự chờ đợi Ngày Chúa Trở lại giúp chúng ta có cơ hội quý báu để phục vụ Ngài 2:13-3:18

Tín thư #1 gửi cho Ti-mô-thê (tức Thư hay Sách I Ti-mô-thê)

Các nhan đề của sách :

- « Tiêu chuẩn & điều kiện để bước vào chức vụ »
- « Người Đầy tớ luôn tôn vinh ĐCT »
- « Sự Giám sát thuộc linh ».

Tác giả : Hai tín thư gửi cho Ti-mô-thê và tín thư gửi cho Tít đều được coi như là những « tín thư mục vụ », mà tác giả chính là Phao-lô, người có biệt danh là Sứ đồ của Dân ngoại (I Tim.1:1; II Tim.1:1 và Tít 1:1)..

Ti-mô-thê : “kẻ kính sợ và tôn thờ ĐCT” / Tít : “có tinh thần của một vú nuôi luôn ân cần chăm sóc anh em mình, và là một người "đáng được tôn trọng”.

Niên đại của sách : Các tín thư này có thể đã được viết vào giữa khoảng những năm 62 đến 65 SC.

Các từ then chốt :

Đức Tin và Trung Tín, được dùng 30 lần

Điều Phước Đức (các việc làm nhân đức), được dùng 23 lần.

Cụm từ « ĐCT, Cứu Chúa của chúng ta » được nhắc đến trong một số lần ở các Tín thư Mục vụ (I Tim. 1:1;2:3;4:10). Từ ngữ « Lòng Sùng kính, hay Hiếu kính » cũng được dùng nhiều lần trong các tín thư này (I Tim. 2:2, 10; II Tim. 4:3).

Các câu KT chìa khoá :

I Tim. 3:15 « ... phòng ta có chậm đến, thì con biết làm thế nào trong nhà ĐCT, tức là Hội Thánh của ĐCT hằng sống, trụ và nền của lẽ thật vậy ».

I Tim. 6:11-12 « Nhưng, hỡi con, là người của ĐCT, hãy tránh những sự đó đi, mà tìm điều công bình, tin kính, đức tin, yêu thương, nhịn nhục, mềm mại. Hãy vì đức tin mà đánh trận tốt lành, bắt lấy sự sống đời đời, là sự mà con đã được gọi đến, và vì đó mà con đã làm chứng tốt lành trước mặt nhiều người chứng kiến ».

Sứ điệp thuộc linh : Nếp sống cần có trong nhà ĐCT, tức Hội Thánh của ĐCT hằng sống, là trụ và nền của lẽ thật.

Bố cục

A.

- | | |
|---|------|
| 1. Giáo huấn về nguồn Giáo lý Tinh sạch | ch 1 |
| 2. Giáo huấn về Sự Cầu nguyện | ch 2 |
| 3. Giáo huấn về thành phần Chức trách của Hội Thánh | ch 3 |
| 4. Giáo huấn về các Giáo sư già | ch 4 |
| 5. Giáo huấn về thành phần Trung tín | ch 5 |
| 6. Giáo huấn dành riêng cho chính Ti-mô-thê | ch 6 |

B.

1. Sự cần thiết tất yếu của một Giáo lý Tinh sạch 1
2. Tính chất và mạng lưới của Sự Cầu nguyện 2:1-8
3. Các phẩm chất cần thiết trong công việc Giám sát Thuộc linh 2:9-3:16
4. Cơ-đốc nhân và Những Bồn phận/Trách nhiệm thuộc linh của mình 4:1-6:21

Tín thư # 2 gửi cho Ti-mô-thê (thường gọi là Sách hay Thư II Ti-mô-thê)

Các Tiêu đề của sách :

- « Giáo lý về Đời sống Chức vụ »
- « Sự Trung thành »
- « Sự Trung thành với Chúa và Lẽ Thật »

Tác giả : Sứ đồ Phao-lô .

Niên đại : Tín thư này có thể đã được viết giữa khoảng các năm 66 đến 68 SC.

Các từ then chốt :

- ✓ Đức Tin, Trung Thành, Tin cậy, được dùng 12 lần.
- ✓ Lời nói hay Những Lời nói , được dùng 7 lần
- ✓ Lẽ Thật, được dùng 6 lần.

Các câu KT then chốt :

II Tim. 1:12b « ... vì biết ta đã tin Đấng nào, chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó ».

II Tim. 3:16 « Cả Kinh Thánh đều là bởi ĐCT soi dẫn (nguyên bản : hà hơi), có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách , sửa trị, dạy người trong sự công bình ».

Thông điệp thuộc linh : Người hầu việc Chúa, và những trách nhiệm của người hầu việc Chúa.

Bố cục :

A.

- | | | |
|-----------------------------|----|---|
| 1. Phao-lô, người Giảng Đạo | ch | 1 |
| 2. Phao-lô, một Gương mẫu | | 2 |
| 3. Phao-lô, nhà Tiên tri | | 3 |
| 4. Phao-lô, kẻ Tù nhân | | 4 |

B.

1. Một lòng kiên trung với Chúa và với Lẽ Thật, dù phải kinh qua những sự khốn khổ trong đời. ch. 1
2. Trung thành với Chúa bằng sự dâng mình đi hầu việc Chúa. Ch.2
3. Một lòng trung thành với Chúa và sự phán dạy của Ngài, cho dù chung quanh có xảy ra tình trạng Lỗi ước và Bội đạo. ch. 3
4. Giữ vẹn hai chữ Trung Tín với Chúa, cho dù có một số những kẻ khác bị lung lạc hoặc cám dỗ mà đào tẩu khỏi Hội Thánh. Ch.4

Tín thư gửi cho Tít (Thơ TÍT)

Các nhan đề của sách :

- « **Quyển sách của mục sư hay người chăn bầy** »
- « **Lòng Sùng Kính Chúa** »
- « **Kế hoạch lý tưởng của ĐCT dành cho Hội Thánh Đấng Christ** ».

Tác giả : Phao-lô, vị Sứ đồ giữa vòng Dân ngoại (Tít 1:1).

Niên đại : Có thể trong những năm 63-65 SC, tức là sau thời gian Phao-lô ở tù lần thứ nhất tại Rô-ma (Công Vụ. 28).

Các thông điệp thuộc linh :

1. Gửi đến TÍT những sự chỉ giáo cụ thể và đặc biệt về các phẩm cách cần phải có của những vị trưởng lão trong các hội thánh ở đảo Cô-rét.
2. Mô tả thế nào có được đời sống sùng kính Chúa nhờ ân điển của ĐCT.
3. Động viên, khích lệ Tít giảng dạy về Giáo lý Tinh sạch, Chân chính.

Các từ then chốt : Điều phước đức (hay việc làm nhân đức), được dùng 11 lần ; Việc làm (hay các việc làm), được dùng 8 lần.

Các câu KT chìa khoá :

Tít 2:11 « *Và, ân điển ĐCT hay cứu mọi người, đã được bày tỏ ra rồi* ».

Tít 2:14 « *... là Đấng liêu mình vì chúng ta, để chuộc chúng ta khỏi mọi tội và làm cho sạch, đừng lấy chúng ta làm một dân thuộc riêng về Ngài, là dân có lòng sốt sắng về các việc lành* ».

Bố cục :

A.

1. Lòng Sùng Đạo (đức hạnh người Cơ-đốc) trong Hội Thánh, và các phẩm cách của kẻ chăn bầy hay người có trách nhiệm ch. 1
2. Lòng Sùng Đạo trong Gia đình – đức tánh người Cơ-đốc (thuộc Phẩm hạnh người Cơ-đốc) ch. 2
3. Lòng Sùng Đạo giữa cuộc đời – nếp sống và cách xử thế của tín đồ Cơ-đốc giữa trần gian. Ch. 3

B.

1. Một Hội Thánh có tổ chức nghiêm túc Ch. 1
2. Một Hội Thánh tinh sạch Ch. 2
3. Một Hội Thánh có thực hành Niềm Tin Ch. 3

Tín thư gửi cho Phi-lê-môn (Thơ Phi-lê-môn)

Các tiêu đề của sách :

« Sự Phục hòa »

« Sự Tha thứ »

Tác giả : Phao-lô, vị Sứ đồ của Dân ngoại.

Niên đại của sách : Tín thư này có thể đã được viết trong thời gian sứ đồ Phao-lô bị nhốt tù lần thứ nhất tại Rô-ma, giữa khoảng các năm 62-64 SC.

Từ chìa khoá : Anh (hay Anh Em) - được dùng bốn lần.

Câu KT then chốt : C 18 « *Nhược bằng người có làm hại anh hoặc mắc nợ anh điều chi, thì hãy cứ kể cho tôi* »...

Thông điệp : Sự Tha thứ và Phạm vi trải rộng của Sự Tha thứ.

Bố cục hay Tóm lược của sách :

A.

- | | |
|---|---------|
| 1. Phao-lô có lời khen ngợi Phi-lê-môn | c.1-7 |
| 2. Phao-lô có lời khẩn nài cho Ô-nê-xim | c.8-21 |
| 3. Phao-lô gửi lời chào thăm đến các anh em | c.22-25 |

**Phần 5 : Các Thư Tín chung : gồm có tám thư tín
của những tác giả khác nhau (8)**

Tín thư Hê-bơ-rơ (Thư Hê-bơ-rơ)

Các tiêu-đề của sách :

- « Thiên chức của Đấng Christ »
- « Địa vị ưu việt của Đấng Christ »

Tác giả : Không rõ tên tác giả.

Niên đại của sách : Tín thư được viết trước khi Đền thánh Giê -ru-sa-lem bị hủy phá vào năm 70 SC (Hêb. 8:4;9:6;10:11;13:10) ; có lẽ giữa khoảng các năm 64-68.

Thông điệp thuộc linh : Địa vị Ưu việt của Đức Chúa Giê -su Christ trong mọi sự, và Giá trị của Đức tin Cơ -đốc..

Các từ then chốt :

- ✓ Thầy Tế lễ (Các Thầy Tế lễ) – Thiên chức - được dùng 37 lần.
- ✓ Đức Tin, 32 lần.
- ✓ Huyết, 22 lần.
- ✓ Lớn hơn (cao trọng hơn), 13 lần.

Các câu KT chìa khoá :

Hêb. 4:14 « *Ay vậy, vì chúng ta có thầy tế lễ thượng phẩm lớn đã trải qua các tầng trời, tức là Đức Chúa Giê-su, Con ĐCT, thì hãy bền giữ đạo chúng ta đã nhận tin* ».

Hêb. 10:14 và 18b « *Vì nhờ dâng chỉ một của tế lễ, Ngài làm cho những kẻ nên thánh được trọn vẹn đời đời. ...Bởi lẽ có sự tha thứ thì không cần dâng của lễ vì tội lỗi nữa* ».

Bố cục :

A.

1. Trình bày Giáo lý ch. 1-10
2. Động viên Thực hành Giáo lý ch. 11-13

B.

1. Tính Ưu việt của Thân vị Giê-su Christ ch.1-8:5
 - ✓ Chúa Giê-su cao trọng hơn các bậc tiên tri 1:1-3
 - ✓ Chúa Giê-su cao trọng hơn các vị thiên sứ 1:4-2:18
 - ✓ Chúa Giê-su cao trọng hơn Môi-se 3:1-3:19
 - ✓ Chúa Giê-su cao trọng hơn Giô-suê 4:1-4:16
 - ✓ Chúa Giê-su cao trọng hơn thầy tế lễ A-rôn 5:1-8:5

2. Tính Ưu việt của Giao ước mới, một giao ước hoàn hảo hơn

- ✓ Giao ước mới hoàn hảo hơn giao ước cũ 8:7-13
- ✓ Giao ước mới mở ra một đền tạm hoàn hảo hơn 9:1-15
- ✓ Giao ước mới được lập bởi một sinh tể hoàn hảo hơn 9:15 -28
- ✓ Giao ước mới hoàn tất công cuộc cứu rỗi đời đời dành cho chúng ta 10:1-18

3. Tính Ưu việt của Cuộc Đời Đấng Christ 10:9-13:25

- ✓ đem lại sự đảm bảo cho niềm tin 10:19-39
- ✓ đem lại cho chúng ta một niềm tin dẫn tới các việc làm 11:1-40
- ✓ đem lại cho chúng ta sự nhẫn nại và hướng đi cần theo đuổi 12:1-13
- ✓ đem lại cho chúng ta những sự hướng dẫn cần thiết cho cuộc hành trình theo Chúa và thờ lạy Chúa của chúng ta 12:14-13:25

C.

1. Phần Mở đầu : lời cuối của ĐCT với Con Ngài 1:1-4
2. Con ĐCT cao trọng hơn thiên sứ 1:5-14
3. Ứng dụng thực tế và sự cảnh giác 2:1-4
4. Sự giáng thế làm người, chịu thống khổ, và chịu chết của Con ĐCT 2:5-18
5. Đấng Christ cao trọng hơn Môi-se 3:1-6
6. Áp dụng cho bản thân và sự cảnh giác 3:7-4:13
7. Christ, Thầy Tế lễ thượng phẩm của chúng ta 4:14 -5:10
8. Khuyến phải nhẫn nại và tiến lên 5:11-6:20
9. Các đặc tánh và hiệu năng trường cửu của thiên chức Đấng Christ. 7:1 -28
10. Sự cao trọng tuyệt vời của chức vụ Đấng Christ, là Thầy Tế lễ Thượng phẩm của chúng ta 8:1-6
11. Hai giao ước 8:7-13
12. Mô tả chức năng của giao ước thứ nhất 9:1-10
13. Những đặc điểm trong sự hi sinh của Đấng Christ 9:11 -10:18
14. Những sự cố vũ thiết thực 10:19-39
15. Đắc thắng bởi đức tin 11:1-40
16. Áp dụng cho bản thân : một lời kêu gọi vào sự hầu việc ĐCT, theo cách làm cho Ngài đẹp lòng 12:1-29
17. Một số các lời động viên khác 13:1-17
18. Những lời tâm huyết và lời chúc phước cuối cùng 13:18-25

Thơ GIA-CO

Các tiêu-đề của sách :

- « Đức Tin và Việc Làm »
« Sự Nhẫn Nhục (hay Nhịn Nhục) »

Tác giả : Trong Tân Ước có ba ông Gia-cơ : Gia-cơ con An-phê, Gia-cơ con Xê-bê-đê, và Gia-cơ em của Cưu Chúa chúng ta. Phần lớn các học giả đều nghĩ rằng tác giả của tín thư này là Gia-cơ, em của Chúa Giê-su.

Niên đại : Một số người nghĩ rằng tín thư đã ra đời từ trong năm 45 S C, song có số khác tin rằng tín thư này được viết ngay trước khi Gia -cơ tử đạo nhằm mục đích cải chính những ngộ nhận đối với giáo lý của Sứ đồ Phao-lô về sự xưng công bình bởi đức tin. Dầu vậy, có nhiều khả năng để kết luận rằng tín thư Gia-cơ đã xuất hiện ở một thời điểm rất sớm.

Thông điệp thuộc linh :

1. Đức tin chân chính luôn được chứng minh qua các việc làm hay hành động của nó.
2. Các việc làm (hay hành động) không phải là một phương tiện dẫn tới sự cứu rỗi, song chắc hẳn chúng phải là kết quả hay sản phẩm của sự cứu rỗi.
3. Dù rằng con người không phải được xưng công bình qua các việc làm, mà là bởi đức tin, song chính đức tin dẫn tới các việc làm hoặc các hành động.

Các từ then chốt :

Đức Tin, được dùng 16 lần

Việc Làm (theo từ Hi-lạp), được dùng 15 lần.

Các câu KT chìa khoá :

Gia-cơ 1:22 « *Hãy làm theo lời, chớ lấy nghe làm đủ mà lừa dối mình* ».

Gia-cơ 2:17-18 « *Về đức tin, cũng một lẽ ấy ; nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó chết. Hoặc có kẻ nói : Người có đức tin, còn ta có việc làm. Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm, rồi ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta* ».

Bổ cục :

A.

- | | |
|--|------------------|
| 1. Đức tin chịu rèn thử để thắng hơn mọi cám dỗ, thử thách | 1:1-21 |
| 2. Đức tin được chứng minh bởi Việc Làm (hành động) | 1:21-2:26 |
| 3. Đức tin được chứng minh bởi Lời Nói | 3:1-18 |
| 4. Đức tin được chứng minh qua việc chúng ta Phân Rẽ khỏi | Thế gian 4:1-5:6 |
| 5. Đức tin được chứng minh qua sự Nhẫn Nhục | 5:7-12 |
| 6. Đức tin được chứng minh qua Sự Cầu Nguyện | 5:13-20 |

B.

- | | |
|-------------------------------------|-----------|
| 1. Sự Trắc nghiệm về tính Nhẫn nhục | 1:1-27 |
| 2. Tính chất của sự Nhẫn nhục | 4:18-5:20 |
| 3. Các Việc Làm của sự Nhẫn nhục | 3:13-5:20 |

C.

- Ch. 1. Chịu khổ vì đức tin
- Ch. 2. Đức tin và Việc làm
- Ch. 3. Kiểm soát cái lưỡi
- Ch. 4. Đầu phục ĐCT
- Ch. 5. Đức tin kiên trì giúp ta luôn sống trong hi vọng.

Thơ I Phi-e-rơ (Tín thư #1 của Sứ đồ Phi-e-rơ)

Các tiêu đề của sách :

- « **Đau khổ và Vinh quang** »
« **Sự Đau khổ** »

Tác giả : Sứ đồ Phi-e-rơ

Niên đại của sách : Tín thư này có thể đã được viết giữa khoảng các năm 63-65 SC.

Thông điệp thuộc linh :

1. ĐCT đền bù cho những kẻ trung tín từng kinh qua gian khổ bằng cách ban cho họ sự vinh hiển mà họ đáng được hưởng , bởi đã chịu khổ vì có lý tưởng phục vụ Nước Trời.
2. Sự gian khổ giúp rèn thử và tôi luyện niềm tin cũng như phẩm chất đạo hạnh của Cơ-độc nhân.
3. Đấng Christ là gương mẫu cho chúng ta trong sự chịu gian khổ và trong vinh quang.
4. Nguyên nhân những đau khổ của người tín đồ phải nhất thiết xuất phát từ lòng sùng kính yêu mến Chúa, chứ không thể từ nếp sống buông tuồng, bất cần, và tặc trách của họ.

Các từ chìa khoá :

Chịu khổ (Sự Đau khổ, các nỗi khổ), v...v..., được dùng 16 lần ; Sự Vinh hiển (hay được vinh hiển), được dùng 16 lần ; An Điền (theo từ Hi-lạp), được dùng 10 lần.

Các câu KT chìa khoá :

I Phi-e-rơ 1:3 « *Ngợi khen ĐCT, là Cha Đức Chúa Giê-su Christ chúng ta, Ngài lấy lòng thương xót cả thể khiến chúng ta lại sanh, dựng chúng ta nhờ sự Đức Chúa Giê-su Christ sống lại từ trong kẻ chết mà có sự trông cậy sống...»*

I Phi-e-rơ 4:12-13 « *Hỡi kẻ rất yêu dấu, khi anh em bị trong lò lửa thử thách, chớ lấy làm lạ như mình gặp một chuyện khác thường. Nhưng anh em có phần trong sự thương khó của Đấng Christ bao nhiêu, thì hãy vui mừng bấy nhiêu, hầu cho đến ngày vinh hiển của Ngài hiện ra, thì anh em cũng được vui mừng nhảy nhót ».*

Bố cục :

A.

- | | |
|---|-------------|
| 1. Mọi tương quan giữa Sự Chịu Khổ và Sự Cứu Rỗi | 1:1-2:10 |
| 2. Mọi tương quan giữa Sự Chịu Khổ và Phẩm Hạnh (cung cách sống) | 2:11-4:11 |
| 3. Mọi tương quan giữa Sự Chịu Khổ và Thái Độ (thái độ hành xử trong cuộc sống) | 4:12 - 5:11 |

B.

- | | |
|--------------------------|-----------|
| 1. Một Sự Trông cậy sống | 1:1-2:10 |
| 2. Đời sống Cơ-độc nhân | 2:11-4:11 |
| 3. Ngày Chúa Trở lại | 4:12-5:11 |

Thơ II Phi-e-rơ (Tín thư #2 của Sứ đồ Phi-e-rơ)

Các tiêu đề của sách :

« **Quyển sách của Sự Hiểu Biết Chân thật** »
 « **Hiểu biết Lời ĐCT** » hay là « **Sự Hiểu biết về Lời Chúa** »

Tác giả : Sứ đồ Phi-e-rơ

Niên đại của sách : Tín thư được vào khoảng những năm 66-67 SC, tức không bao lâu trước ngày Sứ đồ Phi-e-rơ từ đạo.

Thông điệp :

1. Sự hiểu biết chân thật được chứng minh qua quá trình trưởng thành trong sự thánh khiết.
2. Những kẻ trung tín phải giữ mình thanh sạch và trung thành trong các thời kỳ xảy ra tình trạng suy đồi và bội đạo.
3. Tất cả những suy đồi về giáo lý và đạo đức đều sẽ bị phán xét trong Ngày của Chúa.

Các câu KT chìa khoá :

II Phi-e-rơ 3:17-18 « *Hỡi kẻ rất yêu dấu, vì anh em đã được biết trước, vậy hỡi giữ cho cẩn thận, e anh em cũng bị sự mê hoặc của những người ác ấy dẫn dụ, mất sự vững vàng của mình chẳng. Hãy tấn tới trong ân điển và trong sự thông biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ. Nguyên xin vinh hiển về nơi Ngài, từ rày đ đến đời đời. Amen !*».

Bố cục :

A.

- | | |
|--|-------|
| 1. Tính chất của sự hiểu biết chân thật | ch. 1 |
| 2. Mối nguy hiểm của việc từ bỏ Sự Hiểu Biết chân thật | 2 |
| 3. Lời Hứa được chứa đựng trong Sự Hiểu Biết | 3 |

B

- | | |
|--|-------|
| 1. Sự vững chắc của đức tin ...
Sự Hiểu Biết và bước tiến của Cơ-độc nhân trung tín | ch. 1 |
| 2. Cuộc chiến của đức tin ...
Sự Hiểu Biết giúp chống trả các tà thuyết | 2 |
| 3. Sự hoàn thành của đức tin ...
Sự Hiểu Biết và ngày Đấng Christ trở lại | 3 |

Thơ I Giăng (Tín thư # 1 của Sứ đồ Giăng)

Các tiêu đề của sách :

« Quyền sách của Tình Yêu thương » (lòng nhân ái, từ thiện)
« Tình Yêu thương trong gia đình »

Tác giả : Sứ đồ Giăng, con của Xê -bê-đê.

Niên đại của sách : Tín thư này có thể đã được viết trong khoảng nh ững năm 85-90 SC.

Thông điệp :

Một khi thực sự hiểu biết Chúa và có mối tương giao khăng khít với Ngài, chúng ta sẽ không còn ham mê thế gian nữa, mà chỉ muốn bước đi trong sự sáng và tình yêu thương mà thôi.- Amen !

Các từ then chốt :

Tình Yêu thương (Yêu-Hãy Yêu), được dùng 46 lần ; Hiểu biết (tiếng Hi-lạp có hai từ khác nhau), được dùng 42 lần ; Tội lỗi (Các tội lỗi- Phạm tội), được dùng 27 lần.

Các câu KT then chốt :

I Giăng 4:16b « ĐCT tức là sự yêu thương, ai ở trong sự yêu thương, là ở trong ĐCT, và ĐCT ở trong người ấy »

I Giăng 5:13 « Ta đã viết những điều này cho các con, hầu cho các con biết mình có sự sống đời đời, là kẻ nào tin đến danh Con ĐCT »

Bố cục :

A.

- | | |
|-------------------------|-----------|
| 1. ĐCT là SỰ SÁNG | ch. 1 - 2 |
| 2. ĐCT là SỰ YÊU THƯƠNG | 3 - 4 |
| 3. ĐCT là SỰ SỐNG | 5 |

B.

- | | |
|---|----------|
| 1. NỀN TẢNG của tình yêu thương trong gia đình | 1:5-2:29 |
| 2. TÍNH CHẤT của tình yêu thương trong gia đình | 3:1-4:6 |
| 3. NHỮNG KẾT QUẢ của tình yêu thương trong gia đình | 7-5:12 |

C.

QUYỀN SÁCH NÓI VỀ BẢY ĐIỀU TƯƠNG PHẢN

- | | |
|---|-----------|
| 1. Sự sáng và sự tối tăm | 1:5-2:11 |
| 2. Đức Chúa Cha và thế gian | 2:12-17 |
| 3. Christ và Kẻ địch lại Đấng Christ | 2:18-28 |
| 4. Các việc thiện và việc ác | 2:29-3:24 |
| 5. Thánh Linh và các thần | 4:1-16 |
| 6. Tình yêu thương và sự mù mịt giả dối | 4:7-21 |
| 7. Sự tân sanh và đời sống trần tục | 5:1-21 |

Thơ II Giăng (Tín thư # 2 của Sứ đồ Giăng)

Các tiêu đề của sách :

« Quyền sách về Lễ Thật hay Giáo lý »
« Bước đi trong Lễ Thật »

Tác giả : Sứ đồ Giăng

Niên đại của sách : Tín thư này có thể đã được viết giữa khoảng những năm 85 -90 SC.

Thông điệp :

1. Cơ-độc nhân trung tín phải bước đi theo sự thôi thúc của tình yêu thương và phải giữ mình trong nguồn đạo chân thật.
2. Cơ-độc nhân trung tín không nên tiếp đón những kẻ chuyên rù quên người khác vào con đường lầm lạc và những kẻ vi phạm các nguyên tắc của nguồn đạo hay giáo lý chân chính..

Câu KT then chốt :

II Giăng 9 : « *Hễ ai đi đông dài, chẳng bền lòng theo đạo Đấng Christ, thì người ấy không có ĐCT. Còn ai bền lòng trong đạo ấy, thì người đó có Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con* ».

Bố cục :

- | | | |
|----|------------------------------------|------|
| A. | 1. Bước đi theo giáo lý chân chính | 1-6 |
| | 2. Từ bỏ giáo lý chân chính | 7-13 |
| B. | 1. Lễ thật về Đức Chúa Cha | 1-6 |
| | 2. Sự dỗ dành của những kẻ rù quên | 7-13 |

Thơ III Giảng (Tín thư # 3 của Sứ đồ Giảng)

Các tiêu đề của sách :

- « Chân Lý và Thực Hành »
« Lòng Hiếu Khách »

Tác giả : Giảng, vị sứ đồ rất được quý mến.

Niên đại của sách : Tín thư này cũng có thể đã được viết giữa khoảng các năm 58-90 SC.

Thông điệp :

1. Cơ-đốc nhân trung tín cần phải sẵn lòng đón tiếp anh em và thể hiện tinh thần hiếu khách.
2. Tất cả các cấp có trách nhiệm hoặc thuộc hàng lãnh đạo mà muốn đứng đầu anh em thì sẽ tự đặt mình dưới kỷ luật của thiên thượng.
3. Cơ-đốc giáo là một cuộc hành trình thường nhật trong lẽ thật và tình yêu thương (trở thành Cơ-đốc nhân có nghĩa là thực hành nếp sống theo lẽ thật và trong tình yêu thương).

Các từ then chốt :

- ✓ LỄ THẬT (chân thật), được dùng 7 lần.
- ✓ TIẾP RỬỐC, được dùng 3 lần.

Câu KT chìa khoá :

III Giảng 3 « *Vì tôi rất lấy làm vui vẻ mà thấy mấy anh em đến đây, làm chứng về anh yêu mến lẽ thật, và về cách anh làm theo lẽ thật ấy là thế nào* ».

Bố cục :

- | | |
|--|------|
| 1. PHÂN KẾT LUẬN về lòng hiếu khách của Gai-út | 1-8 |
| 2. LÊN ÁN thái độ không hiếu khách của Đi-ô-trép | 9-14 |

Thơ Giu-đe

Các tiêu đề của sách :

- « **Hành động của kẻ bội đạo** »
« **Các mối hiểm họa của lòng vô tín** »

Tác giả : Giu-đe. Giu-đe là ‘em Gia cơ’ và dường như ăn khớp với câu chuyện trong chương 10 về Gia cơ. Một trong những em của Chúa Giê-xu và gia cơ có tên là Giu-đe (Mat. 13:55). Trong Cong 1:14, họ trở thành tín hữu và ở đây ông viết với tư cách là ‘tôi tớ của chúa Giê-xu Cơ-đốc’.

Niên đại của sách : có thể vào năm 70 SC.

Thông điệp :

1. Tất cả những kẻ không tin kính, chống nghịch Đạo Trời đều sẽ bị đoán phạt bằng lửa.
2. ĐCT luôn luôn thành tín trong việc gìn giữ những kẻ được Ngài chọn tránh khỏi sự vấp ngã, đổ nát.

Các từ then chốt :

- ✓ KẺ KHÔNG TIN KÍNH (hay Nghịch Đạo), được dùng 6 lần.
- ✓ DÀNH SẴN, hay DÀNH CHO (theo từ Hi-lạp), được dùng 5 lần.

Câu KT chìa khoá : c. 3 « *Hỡi kẻ rất yêu dấu, vì tôi đã ân cần viết cho anh em về sự cứu rỗi chung của chúng ta, tôi tưởng phải làm điều đó, để khuyên anh em vì đạo mà tranh chiến, là đạo đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi* ».

Bố cục :

- | | | |
|----|--|-------|
| 1. | Bảo vệ Đức Tin chống lại SỰ VÔ TÍN | 1-4 |
| 2. | Sự lầm lạc của Đức Tin trong SỰ VÔ TÍN | 5-16 |
| 3. | Công bố Niềm Tin trước SỰ VÔ TÍN | 17-25 |

Phần 6 : 1 Quyển Sách Tiên Tri : Khải huyền

Sách KHẢI HUYỀN

Các tiêu đề của sách :

- « Quyển sách của những việc cuối cùng »
- « Sự Mặc thị (hay mặc khải) của Chúa Cứu Thế Giê-su »
- « Cõi Trời (Cõi Thiên đàng) »

Tác giả : Giảng, vị sứ đồ được quý mến, tác giả của Phúc âm Giảng và ba tín thư.

Niên đại của sách : Vào năm 96 SC.

Thông điệp thuộc linh :

1. Nước Trời cuối cùng sẽ hoàn toàn chiến thắng mọi thế lực xấu xa gian ác.
2. Những ai thắng hơn thế gian, xác thịt và ma quỷ sẽ nhận được những phần thưởng đền bù đời đời.
3. Một chứng nhân thực sự phải có khả năng làm chứng về những gì mình đã thấy và nghe.

Các từ then chốt :

- ✓ THIÊN SỨ (NHỮNG THIÊN SỨ), được dùng 76 lần
- ✓ THẤY (ĐÃ NHÌN THẤY), được dùng 65 lần
- ✓ BẦY (THỨ BẦY), 59 lần
- ✓ NGHE (ĐÃ NGHE), 46 lần
- ✓ NGÔI (NGAI), 40 lần.

Câu KT then chốt : Khải huyền 1:19 « *Vậy hãy chép lấy những sự ngơoi đã thấy, những việc nay hiện có và những việc sau sẽ đến* »

Bố cục :

A.

- | | |
|--|------|
| 1. Những sự việc đã thấy... Đấng CHRIST được tôn vinh | ch.1 |
| 2. Những việc nay hiện có... Đấng CHRIST, Đầy tớ của ĐCT | 2-3 |
| 3. Những việc sau sẽ đến ...CHúa Cứu Thế Giê-su Đấng Thắng | 4-22 |

B.

- | | |
|-------------------------------------|------------|
| 1. PHẦN MỞ ĐẦU | 1:1-8 |
| 2. KHẢI TƯỢNG VỀ CON NGƯỜI | 1:9-20 |
| 3. CÁC LÁ THƯ GỬI CHO BẦY HỘI THÁNH | 2:1-3:22 |
| 4. KHẢI TƯỢNG VỀ NƯỚC TRỜI | 4:1-5-14 |
| 5. BẦY CÁI ẮN | 6:1-8:5 |
| 6. BẦY CÁI KÈN (BẦY ÓNG LOA) | 8:6-11:19 |
| 7. CUỘC TRANH CHIẾN TRÊN ĐẤT | 12:1-14:20 |
| 8. BẦY CÁI BÁT | 15:1-16:21 |
| 9. SỰ SỤP ĐỔ CỦA BA -BY-LÔN | 17:1-19:21 |
| 10. NGÔI NƯỚC ĐỜI ĐỜI VINH HIỂN | 20:1-22:5 |
| 11. PHẦN KẾT LUẬN | 22:6-21 |

Bố cục cô đọng của Tân Ước

1. Các sách về tiểu sử : 4.

(1) **Ma-thi-ơ.** Tác giả : một trong mười hai sứ đồ. Câu truyện kể này đặc biệt dành cho người Do Thái, để chứng minh rằng Giê-su chính là Vì Vua và là Đấng Cứu Thế (Mê-si) đã được nói đến qua các lời tiên tri của dân Do Thái.

(2) **Mác.** Tác giả : Ông Mác (tức Giảng-Mác : Jean-Marc). Một câu truyện kể ngắn gọn, ý nhị, sâu sắc, nhấn mạnh về quyền lực siêu nhiên của Đấng Christ đối với thiên nhiên vũ trụ, bệnh tật và các tà linh. Toàn bộ năng quyền thiên thượng này được thi thố vì phúc lợi của con người.

(3) **Lu-ca.** Tác giả : Lu-ca, "người thầy thuốc được yêu chuộng". Đây là tiểu sử đầy đủ nhất về Chúa Cứu Thế Giê-su, mô tả được những nét đặc thù của Con Người luôn giàu lòng thương xót đối với các thành phần tội nhân và người nghèo khổ trong đời.

(4) **Giăng.** Tác giả : Sứ đồ Giăng, "người môn đồ được Chúa yêu". Phúc Am Giăng mô tả Chúa Giê-su trong tư cách là Con ĐCT, và ghi chép lại những sự giáo huấn hết sức sâu nhiệm của Ngài. Hai từ ngữ "đức tin" và "**sự sống đời đời**" khá nổi bật xuyên suốt trong sách Phúc Am này.

2. **Sách lịch sử : Công vụ Các Sứ đồ.** Tác giả : Lu-ca. Sách này được coi như phần tiếp nối của Phúc Am Lu-ca, và ý tưởng trọng tâm được tập chú vào các vấn đề như : nguồn gốc và sự lớn mạnh của Hội Thánh ban đầu, kể từ khi đấng Christ về trời, cho tới lúc sứ đồ Phao-lô bị giam cầm tại Rô-ma.

3. Số thư tín của Phao-lô : 13.

(1) **Rô-ma.** Gửi cho những tín hữu ở Rô-ma.

(a) Các chương 1-11. Dạy dỗ về sự cần thiết và tính chất của chương trình kế hoạch cứu rỗi.

(b) Các chương 12-16. Chủ yếu gồm những lời cổ xúy động viên liên quan đến các bổn phận thuộc linh, cũng như các nghĩa vụ xã hội và trách nhiệm công dân.

(2) **I Cô-rinh-tô.** Gửi cho Hội Thánh Cô-rinh-tô. Các chủ đề chính gồm có : quá trình thanh tẩy Hội Thánh và các sự dạy dỗ về giáo lý.

(3) **II Cô-rinh-tô.** Các chủ đề chính gồm có : những đặc điểm của chức vụ sứ đồ, và sự bênh vực cho chức vụ sứ đồ của Phao-lô.

(4) **Ga-la-ti.** Gửi cho Hội Thánh Ga-la-ti. Các chủ đề chính gồm có : sự bênh vực cho thẩm quyền sứ đồ của Phao-lô và giáo lý 'được xưng công bình bởi đức tin', cũng như những sự cảnh báo phải đề phòng các giáo sư giả và sự trở về với Do Thái giáo.

(5) **Ê-phê-sô.** Gửi cho Hội Thánh Ê-phê-sô. Tín thư này trình bày về một chương trình kế hoạch cứu rỗi đầy vinh hiển, đồng thời cũng đặc biệt nhấn mạnh về việc tắt cả những rào cản giữa người Do Thái và Dân Ngoại đều bị cất bỏ.

(6) **Phi-líp.** Đây là một tín thư chan chứa tình yêu thương, được gửi tới cho Hội Thánh Phi-líp. Tín thư bày tỏ mối quan hệ khăng khít giữa sứ đồ Phao-lô với đấng Christ, kinh nghiệm vui mừng được vào chốn ngục tù vì có Danh Giê-su, và niềm kỳ vọng sâu xa của sứ đồ mong muốn thấy Hội Thánh cứ kiên trì bước đi trong nguồn giáo lý Cơ-dốc thánh thiện.

(7) **Cô-lô-se.** Gửi cho Hội Thánh Cô-lô-se. Chủ đề chính của tín thư này là sự vinh quang của Đấng Christ, đáng làm đầu Hội Thánh và cũng chính là đáng kêu gọi chúng ta xa lánh mọi thứ triết lý trần tục và tội lỗi.

(8) **I Tê-sa-lô-ni-ca.** Gửi cho Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca. Tín thư này gồm có các lời giới thiệu, gửi gắm, những hồi niệm, những lời khuyên bảo và khích lệ động viên của sứ đồ Phao-lô. Tín thư đặc biệt nhấn mạnh tới niềm hi vọng đầy an ủi về sự hiện đến trong tương lai của Đức Chúa Giê-su Christ.

(9) **II Tê-sa-lô-ni-ca.** Phần tiếp theo của tín thư I Tê-s., được biên soạn để giúp Hội Thánh hiểu rõ giáo lý về sự tái lâm của Đấng Christ, đồng thời cảnh báo cho tín đồ về những sự hỗn loạn và bất ổn xã hội.

(10) **I Ti-mô-thê.** Những lời khuyên về đường lối xử thế và thi hành chức vụ, dành cho một mục sư trẻ tuổi.

(11) **II Ti-mô-thê.** Lá thư cuối cùng của Phao-lô, được viết không lâu trước khi ông về nước Chúa, nhằm mục đích hướng dẫn và khuyên dạy "người con trai thiêng liêng yêu dấu của mình".

(12) **Tít.** Một tín thư mục vụ, gồm những lời khuyên và động viên khích lệ gửi đến cho một người bạn rất chân tình đang hầu việc Chúa nơi vùng khó khăn. Tín thư đặc biệt nhấn mạnh đến các công việc tốt lành, hay việc làm công đức.

(13) **Phi-lê-môn.** Một lá thư riêng gửi cho Phi-lê-môn, để khẩn nài ông này vui lòng tiếp nhận và tha thứ cho Ô-nê-xim, người nô lệ bỏ trốn.

4. Các tín thư tổng quát : 8.

(1) **Hê-bơ-rơ.** Tác giả : không rõ. Chủ đề chính : sự vinh hiển tột đỉnh của Đấng Christ và những phước lành của thời kỳ giao ước mới, so sánh với những phước lành của thời kỳ giao ước cũ.

(2) **Gia-cơ.** Tác giả : có thể là Gia-cơ, em của Chúa. Tín thư được gửi cho những người Do Thái trở lại tin theo Đấng Christ, trong thời kỳ tân lạc. Chủ đề chính : đức tin thực tiễn, được thể hiện qua những việc làm công đức, tốt lành, thì khác với sự thực hành đức tin đơn thuần.

(3) **I Phi-e-rơ.** Một tín thư đầy khích lệ, được sứ đồ Phi-e-rơ viết gửi cho những thánh đồ sống tản lạc khắp vùng Tiểu Á. Đề tài chính của tín thư là : **Noi theo gương Đấng Christ, các tín đồ đã được ân sủng để chiến thắng những hoàn cảnh thử thách gian lao, và sống cuộc sống thánh thiện trong một thế giới chống nghịch Đạo Trời.**

(4) **II Phi-e-rơ.** Chủ yếu cảnh báo về các giáo sư giả ngụy và những kẻ nhạo báng đạo Chúa.

(5) **I Giăng.** Đây là một thông điệp thuộc linh sâu sắc được sứ đồ Giăng gửi tới các đoàn thể tín hữu trong Hội Thánh. Thư tín đặc biệt nhấn mạnh về việc người tín đồ có được đặc ân để tiếp cận nguồn tri thức thiên thượng, hiểu được nghĩa vụ của mỗi thông công huynh đệ, và biết sống chan hòa trong tình tương thân tương ái.

(6) **II Giăng.** Đây là một lá thư ngắn của sứ đồ Giăng viết cho "người nữ tín đồ có tên Kyria và các con cái của bà", trong đó có đề cập tới chân lý nhiệm mầu của thiên thượng và triết lý giả ngụy của thế gian. Ngoài ra, tín thư ngắn này cũng đưa ra lời cảnh báo về những giáo sư giả.

(7) **III Giăng.** Một tín thư mục vụ gửi cho Gai-út, trong đó gồm có những lời gửi gắm, dặn dò,

hoặc vài nhận xét ngắn gọn về một số thành viên của Hội Thánh.

(8) Giu-đe. Tác giả : có thể là Giu-đe, em của Gia-cơ. Các chủ đề chính gồm có : những trường hợp lịch sử điển hình về sự bội ước, bội đạo, cũng như các sự phán xét, hình phạt dành cho tội nhân, và các lời cảnh báo về những giáo sư biến chất, thói nát.

5. Sách tiên tri. Khải Huyền. Tác giả : Sứ đồ Giăng.

Các đề tài chính : chủ yếu gồm một loạt những khái tượng huyền nhiệm liên quan đến những biến cố lịch sử của Hội Thánh. Sách này mô tả cuộc tranh chấp lớn lao về tinh thần, đạo đức giữa quyền lực của Thượng Đế và thế lực của Sa -tan, để rồi được kết thúc với sự đắc thắng huy hoàng của CHIÊN CON. – Amen !

